

Ngày soạn: 05/09/ 2021

Tuần 1

Tiết 2

CHỦ ĐỀ 1: KHÁM PHÁ LỨA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Giới thiệu được những nét nổi bật của trường trung học cơ sở.
- Nhận ra được sự thay đổi tích cực, đức tính đặc trưng và giá trị của bản thân trong giai đoạn đầu trung học cơ sở.
- Tự tin thể hiện một số khả năng, sở thích khác của bản thân.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề

- **Năng lực riêng:**

- + Xác định được những nét đặc trưng về hành vi và lời nói của bản thân,
- + Thể hiện được sở thích của mình theo hướng tích cực.
- + Giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi cơ thể đến các trạng thái cảm xúc, hành vi của bản thân.
- + Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống.
- + Rút ra những kinh nghiệm học được khi tham gia các hoạt động.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Tranh, ảnh, tư liệu để giới thiệu về nhà trường, các thầy cô giáo bộ môn, các phòng chức năng, ban giám hiệu nhà trường, cán bộ Đoàn, Đội, cán bộ nhân viên khác trong trường,...
- Hình ảnh SGK các môn học.
- Bảng tổng hợp khảo sát nhanh trên Excel.

2. Chuẩn bị của HS:

- Thực hiện nhiệm vụ trong SBT Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (nếu có).
- Hoàn thiện sản phẩm giới thiệu về bản thân (nhiệm vụ 10).
- Đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu: Hoạt động này giúp HS hứng thú với chủ đề, hiểu được sự cần thiết của chủ đề này đối với bản thân và chỉ rõ được những việc cần làm trong chủ đề để đạt được mục tiêu.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS nghe bài hát: “Em yêu trường em” sáng tác của nhạc sĩ Hoàng Vân.

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS nghe bài hát “Em yêu trường em” sáng tác của Hoàng Vân.
- GV giới thiệu khái quát về sự thú vị của lứa tuổi các em, về kinh nghiệm của chính GV ở lứa tuổi đó để HS háo hức, khám phá.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khám phá trường trung học cơ sở của em

a. Mục tiêu: giúp HS nhận diện được những thay đổi cơ bản trong môi trường học tập mới nhằm chuẩn bị sẵn sàng về mặt tâm lí cho HS trước sự thay đổi.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu môi trường học tập mới.
- Chia sẻ bản khoăn của HS khi bước vào môi trường mới.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																
<p>* Nhiệm vụ 1: tìm hiểu môi trường học tập mới Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu hình ảnh nhà trường, thầy cô,... (như yêu cầu trong phần chuẩn bị) và trao đổi với HS xem các em đã biết gì, biết ai; sau đó GV giới thiệu lại cho HS. - GV phỏng vấn nhanh HS về tên các môn học được học ở lớp 6 và tên GV dạy môn học đó ở lớp mình, - GV mời một số HS chia sẻ: Theo em, điểm khác nhau khi học ở trường trung học cơ sở và trường tiểu học là gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi 2 bạn đại diện của 2 nhóm trả lời. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Chia sẻ băn khoăn của HS trước khi vào môi trường mới. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm về các băn khoăn của bản thân trước khi bước vào môi trường học mới và những người mà các em chia sẻ để tháo gỡ khó khăn. - GV cho HS làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu sau:</p> <table border="1" data-bbox="164 1129 980 1518"> <thead> <tr> <th>Bản khoăn của em</th> <th>Người em chia sẻ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Em chưa nhớ hết được tên các môn học.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Em không nhớ hết được những gì thầy cô dạy vì học nhiều môn.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Em khó làm quen với các bạn và lo bị bắt nạt.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Em khó diễn đạt suy nghĩ của mình.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Em lo lắng vì sợ không hoàn thành nhiệm vụ học tập.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Em chưa có bạn thân trong lớp.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Những băn khoăn khác của em:</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi 2 bạn đại diện của 2 nhóm trả lời. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p>	Bản khoăn của em	Người em chia sẻ	Em chưa nhớ hết được tên các môn học.		Em không nhớ hết được những gì thầy cô dạy vì học nhiều môn.		Em khó làm quen với các bạn và lo bị bắt nạt.		Em khó diễn đạt suy nghĩ của mình.		Em lo lắng vì sợ không hoàn thành nhiệm vụ học tập.		Em chưa có bạn thân trong lớp.		Những băn khoăn khác của em:		<p>I. Khám phá trường trung học cơ sở của em 1. Tìm hiểu môi trường học tập mới - Những điểm khác biệt cơ bản khi học trung học cơ sở : + Nhiều môn học hơn, nhiều hoạt động giáo dục diễn ra ở trường. + Nhiều GV dạy hơn; + Phương pháp học tập đa dạng hơn; kiến thức đa dạng hơn,.... => HS cần cố gắng làm quen với sự thay đổi này để học tập tốt hơn.</p> <p>2. Chia sẻ băn khoăn của HS trước khi vào môi trường mới. - Nên cởi mở, chia sẻ khi gặp khó khăn để nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ người thân, thầy cô hay bạn bè. Ví dụ: Em không nhớ tên thầy cô của tất cả các môn học thì em chia sẻ với thầy cô, bạn bè để biết và nhớ tên các thầy cô các bộ môn.</p>
Bản khoăn của em	Người em chia sẻ																
Em chưa nhớ hết được tên các môn học.																	
Em không nhớ hết được những gì thầy cô dạy vì học nhiều môn.																	
Em khó làm quen với các bạn và lo bị bắt nạt.																	
Em khó diễn đạt suy nghĩ của mình.																	
Em lo lắng vì sợ không hoàn thành nhiệm vụ học tập.																	
Em chưa có bạn thân trong lớp.																	
Những băn khoăn khác của em:																	

Hoạt động 2: Tìm hiểu bản thân


a. Mục tiêu: giúp HS hiểu sự thay đổi của bản thân và của các bạn về hình dáng, nhu cầu, tính tình,... khi bước vào tuổi dậy thì. Từ đó, các em biết cách rèn luyện để phát triển bản thân và tôn trọng sự khác biệt,

b. Nội dung:

- Tìm hiểu sự thay đổi về vóc dáng
- Tìm hiểu nhu cầu bản thân
- Gọi tên tính cách của em

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự thay đổi về vóc dáng Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS Quan sát hình dáng của các bạn trong lớp - GV mời một số HS lên giới thiệu trước lớp ảnh của mình thời điểm hiện tại và cách đây 1 năm. - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:</p>  <p>+ Em có nhận xét gì về hình dáng của các bạn qua 2 tấm ảnh? + Bản thân em đã thay đổi như thế nào so với một năm trước?</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm về nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau về dáng vóc giữa các bạn và mời đại diện các nhóm chia sẻ. - GV trao đổi với cả lớp: Sự khác biệt về vóc dáng giữa các bạn trong lớp mang lại ý nghĩa gì đối với chúng ta? - GV mời một số HS đề xuất các biện pháp rèn luyện sức khỏe ở tuổi mới lớn.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi 2 bạn đại diện của 2 nhóm trả lời. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + GV cho HS cả lớp cùng vận động tại chỗ và điều chỉnh tư thế đúng để không bị cong vẹo cột sống,... + HS ghi bài.</p> <p>*Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nhu cầu bản thân Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	<p>II. Tìm hiểu bản thân 1. Tìm hiểu sự thay đổi về vóc dáng</p> <p>- Các em đang bước vào tuổi thiếu niên, là giai đoạn phát triển đặc biệt và sẽ phát triển nhanh trong những năm tiếp theo. Mỗi người có sự phát triển riêng theo hoàn cảnh và mong muốn của bản thân, Chúng ta hãy biết yêu thương bản thân và tôn trọng sự khác biệt.</p> <p>- Nguyên nhân có thể là: dậy thì sớm hoặc muộn, di truyền, chế độ ăn uống, chế độ ngủ nghỉ, tập thể dục, thể thao,...</p> <p>- Sự khác biệt tạo nên bức tranh sinh động: chúng ta có thể hỗ trợ, giúp đỡ nhau những việc làm phù hợp với đặc điểm cá nhân; cần biết tôn trọng sự khác biệt, hình thức không tạo nên giá trị thực của nhân cách...</p>

- GV yêu cầu HS chuẩn bị thẻ Bingo theo mẫu để chơi trò chơi BINGO: Cả lớp tự do tiếp cận các bạn trong lớp để tìm xem bạn nào có nhu cầu trong danh sách nhu cầu của mình. Viết tên của người bạn vào ô nhu cầu tương ứng. Mỗi ô chỉ được viết tên một người. Bạn nào điền đủ 9 ô với 9 người khác nhau thì sẽ hô to Bingo và viết tên mình lên bảng. Những bạn về sau viết sau tên bạn trước để biết thứ tự Bingo.

Tôi muốn được yêu thương.	Tôi mong được đối xử công bằng.	Tôi mong bạn luôn chơi với tôi.
Tôi mong bạn nói nhẹ nhàng với tôi.	Tôi mong không bị ai bắt nạt.	Tôi mong bạn tha thứ nếu tôi sai.
Tôi mong muốn được ghi nhận.	Tôi mong tôi và bạn luôn giúp đỡ nhau.	Tôi mong tôi và bạn cùng học giỏi.

- GV đọc nhu cầu và hỏi cả lớp ai mong muốn thì giơ tay, GV đếm số lượng và ghi vào bảng.

STT	Nhu cầu	Số lượng
1	Tôi muốn được yêu thương.	
2	Tôi mong bạn nói nhẹ nhàng với tôi.	
3	Tôi mong muốn được ghi nhận.	
4	Tôi mong được đối xử công bằng.	
5	Tôi mong không bị ai bắt nạt.	
6	Tôi mong tôi và bạn luôn giúp đỡ nhau.	
7	Tôi mong bạn luôn chơi với tôi.	
8	Tôi mong bạn tha thứ nếu tôi sai.	
9	Tôi mong tôi và bạn cùng học giỏi.	

- GV hỏi cả lớp: Ngoài những nhu cầu trên, các em còn nhu cầu nào khác nữa?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS thực hiện các nhiệm vụ của GV đưa ra.
- + GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + GV gọi đại diện các đội lên trả lời.
- + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.
- + HS ghi bài.

***Nhiệm vụ 3: Gọi tên tính cách của em**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu một số từ ngữ chỉ tính cách, HS đọc và suy ngẫm xem từ ngữ nào phù hợp với tính cách của mình.

2. Tìm hiểu nhu cầu bản thân

- Chúng ta có những nhu cầu khác nhau nhưng cũng có rất nhiều nhu cầu giống nhau. Ai cũng trỗi ngược yêu thương, vậy chúng ta nên luôn yêu thương nhau để tất cả đều được hạnh phúc.

Ví dụ : Bạn A

- + Muốn được yêu thương
- + Mong mình và các bạn luôn giúp đỡ và chơi với nhau
- + Mong muốn được đối xử công bằng
- + Mong được ghi nhận khi có sự tiến bộ
- + Mong mình và các bạn đều học giỏi,...

=> Mỗi người có nhu cầu của mình. Hãy cố gắng chia sẻ điều mình muốn để bạn có thể hiểu mình hơn, từ đó chúng ta có mối quan hệ thân thiện với nhau hơn.

3. Gọi tên tính cách của em

- Tính cách tạo thuận lợi :

- + Vui vẻ
- + Tự tin
- + Thân thiện
- + Thông minh
- + Nhanh nhẹn
- + Cẩn thận,...

- Tính cách tạo khó khăn :

- + Khó tính
- + Lầm lì, ít nói
- + Chậm chạp,...

- Cần rèn luyện mỗi ngày các tính cách tốt, cải thiện tính cách xấu sẽ giúp cho mọi việc trong cuộc sống hằng ngày diễn ra thuận lợi, vui vẻ,...(luôn suy nghĩ tích cực, mở lòng chia sẻ cùng mọi người,...)

<div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Vui vẻ</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Tự tin</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Khó tính</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Thân thiện</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Lầm lì, ít nói</div> </div> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Thông minh</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Nhanh nhẹn</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Chậm chạp</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Cẩn thận</div> <div style="border: 1px dashed green; border-radius: 50%; padding: 10px; margin: 5px;">Luộm thuộm</div> </div> <p>- GV đặt câu hỏi: Em hãy phân loại những tính cách nào tạo thuận lợi, tính cách nào tạo khó khăn trong đời sống hằng ngày? Em làm gì để rèn luyện tính cách tốt?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi 2 bạn đại diện của 2 nhóm trả lời. + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p>	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: giúp HS xác định được những biểu hiện tâm lí của tuổi dậy thì và điều chỉnh thái độ, cảm xúc bản thân cho phù hợp để vượt qua khủng hoảng và tự tin với bản thân.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Làm theo hiệu lệnh**

- GV phổ biến cách chơi: HS làm như GV nói chứ không làm như GV làm. Mỗi lần chơi GV đưa ra 1 trạng thái hoặc hành động kèm theo mức độ. HS phải thực hiện hành động/ trạng thái đúng với mức độ. Các mức độ được xác định bằng vị trí của tay GV: giơ tay cao ngang đầu - mức độ mạnh; giơ tay ngang ngực - mức độ vừa; để tay ngang hông - mức độ thấp. (GV vừa nói vừa làm tín hiệu kèm theo).
Ví dụ : Giọng nói: nói to (tay để ngang đầu) — nói vừa (tay để ngang ngực) — nói nhỏ (tay để ngang hông).

- GV tổ chức trò chơi, HS chơi theo hiệu lệnh. GV đưa ra những trạng thái mà mình muốn HS rèn luyện.

- GV tổng kết trò chơi, có thể yêu cầu những HS làm chưa đúng hiệu lệnh hát hoặc làm một trò chơi phụ.

- GV kết luận HS luôn rèn luyện, kiểm soát được bản thân.

*** Nhiệm vụ 2: Xác định một số đặc điểm tâm lí lứa tuổi và nguyên nhân của nó**

- GV tổ chức khảo sát đặc điểm tâm lí của HS theo bảng bên dưới (có thể yêu cầu HS báo cáo kết quả ý 1, nhiệm vụ 3 trong SBT của HS (nếu có).

STT	Đặc điểm tâm lí	Đúng	Phản văn	Không đúng
1	Lo lắng, bất an về sự thay đổi trên cơ thể của mình nên hay cáu bẳn.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
2	Làm việc gì cũng lóng ngóng nên thiếu tự tin.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
3	Ngại làm việc nhà vì thấy hay mệt mỏi.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
4	Buồn, vui vô cớ.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
5	Hay phản ứng lại bố mẹ, người thân.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
6	Hay cáu gắt.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
7	Nói năng cọc lốc.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
8	Không thích phải nói lời xin lỗi.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
9	Không muốn nhìn vào sai lầm của bản thân.	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>	<input type="checkbox"/> <input type="radio"/>
	Tổng			

- GV đọc từng ý trong bảng và hỏi: Đặc điểm này có phải là đặc điểm của bạn A. không? Đặc điểm này có phải là đặc điểm của em không? (HS dùng thẻ màu hoặc kí hiệu khác do GV và HS tự chọn để đưa ra đáp án của mình).

- GV ghi tổng số HS lựa chọn vào ô tương ứng (ghi vào ô vuông nếu là đặc điểm của bạn A., ghi vào ô tròn nếu là đặc điểm của HS).

- Gv gợi ý cho HS để nhận biết được hành vi và thái độ của mình.

- GV kết luận: *Chúng ta có bức tranh sinh động mỗi nhân cách, mỗi người mỗi vẻ. Có nhiều nguyên nhân tạo nên tâm tính mỗi con người. Tuy nhiên, không ai hoàn hảo cả, tất cả phải rèn luyện mỗi ngày.*

*** Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp điều chỉnh cảm xúc, thái độ**

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn về những biện pháp để điều chỉnh thái độ, cảm xúc bản thân (nhiệm vụ 3, ý 2, trang 9 SGK), cho biết những biện pháp mà các em thực hiện tốt, những khó khăn mà em đã gặp phải.

- GV cho HS cả lớp thực hành hít - thở kiểu yoga để điều tâm. Sau đó GV mời một HS lên đứng trước lớp, cả lớp quan sát và tìm ra những điểm tích cực, những điểm yếu thích để khen bạn.

- GV tổ chức cho HS thực hành tìm điểm tích cực ở bạn theo nhóm đôi.

- GV kết luận và nhắc nhở HS luôn thực hiện cách nhìn nhận tích cực trong cuộc sống.

Ngày soạn: 10/09/ 2021

Tuần 2

Tiết 5

CHỦ ĐỀ 1: KHÁM PHÁ LỬA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI (tiết 2)

* Hoạt động 1: Rèn luyện để tự tin bước vào tuổi mới lớn

a. **Mục tiêu:** giúp HS xác định được những việc làm tạo nên sự tự tin và cách hiện thực hóa một số biện pháp phát triển tính tự tin trong cuộc sống.

b. **Nội dung:**

- HS tham gia khảo sát về sự tự tin của bản thân
- Tìm hiểu những yếu tố tạo nên sự tự tin dành cho tuổi mới lớn
- Thực hành một số biện pháp rèn luyện sự tự tin.

c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS


d. **Tổ chức thực hiện:**






* **Nhiệm vụ 1: Khảo sát về sự tự tin của HS**

- GV phỏng vấn nhanh cả lớp: Ai thấy mình tự tin?
- HS dùng thẻ màu giơ lên để trả lời: màu xanh - rất tự tin; màu vàng - khá tự tin; đỏ - chưa tự tin.
- GV trao đổi với HS theo từng nhóm: Điều gì làm em tự tin? Điều gì làm em chưa tự tin?
- Các nhóm thảo luận và trả lời. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.
- GV kết luận: *trong cuộc sống rất cần sự tự tin về bản thân, sẽ mang lại nhiều thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống hằng ngày.*

* **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu những yếu tố tạo nên sự tự tin dành cho tuổi mới lớn**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 4, trang 10 SGK, sau đó thảo luận nhóm để:
 - + Xác định các việc làm giúp em trở nên tự tin?
 - + Tại sao những việc làm đó giúp em tự tin?

Việc làm		Gợi ý
1. Luôn giữ quần áo gọn gàng, sạch sẽ		Tạo vẻ ngoài chín chu, dễ gây thiện cảm với mọi người xung quanh nên cá nhân cảm thấy yên tâm trong môi trường mới,...

Việc làm		Gợi ý
2. Tập đọc to, rõ ràng		Để giao tiếp tự tin, cần có ngôn ngữ lưu loát và diễn đạt rõ ràng. Với những người hạn chế về ngôn ngữ thì việc rèn luyện này rất tốt để tự tin hơn trong giao tiếp,...
3. Tập thể dục, chơi thể thao		Làm cho cơ thể khoẻ mạnh, khắc phục được những nhược điểm của cơ thể; khoẻ mạnh thường tạo cho tâm hồn vui vẻ nên dễ lấy được sự tự tin.
4. Thể hiện năng khiếu		Tạo sự tự tin, khẳng định năng lực và giá trị của bản thân; tạo động lực phát triển cho bản thân.
5. Đọc sách về khám phá khoa học		Tăng sự hiểu biết, tạo khả năng khác biệt để có thể tự tin chia sẻ và yêu bản thân mình hơn,...
6. Tích cực tham gia hoạt động chung		Tạo các mối quan hệ, mạnh dạn trong công việc và tự tin hơn trong xử lý tình huống có vấn đề,...

- GV yêu cầu 4 nhóm HS ngoài những việc làm được gợi ý trong SGK hãy tiếp tục thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn đưa ra kinh nghiệm của mỗi cá nhân để tạo nên sự tự tin.

- GV mời một số đại diện của các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.

*** Nhiệm vụ 3: Thực hành một số biện pháp rèn luyện sự tự tin**

- GV cho HS thực hiện chỉnh đốn trang phục, đầu tóc, tạo bình ảnh gọn gàng. Yêu cầu HS luôn giữ gìn hình ảnh như vậy.

- GV tổ chức cho HS đọc truyện tiếp nối theo nhóm. Yêu cầu HS đọc nhằm để hiểu nội dung, sau đó đọc to (đủ nghe trong nhóm) và rõ ràng.

- GV mời từng nhóm lên đọc trước lớp. GV lưu ý sửa cho HS những nhược điểm về tác phong và ngôn ngữ. GV tạo điều kiện cho HS rèn luyện ngôn ngữ thường xuyên.

- GV căn dặn HS tập luyện thêm các biện pháp khác để có thể tự tin và cần phải thường xuyên tập luyện.

*** Hoạt động 2: Rèn luyện sự tập trung trong học tập**

a. Mục tiêu: giúp HS có cách học phù hợp để thích nghi được với việc học tập ở trung học cơ sở; cởi mở, sẵn sàng chia sẻ với GV, bạn bè khi cần sự hỗ trợ.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi: Vỗ tay theo nhịp

- Tổ chức khảo sát về cách học của HS

- Chia sẻ kinh nghiệm tập trung chú ý trong học tập

- Thực hành kết hợp nghe – nhìn- ghi chép.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Vỗ tay theo nhịp**

- GV tổ chức trò chơi Vỗ tay theo nhịp. GV vỗ tay theo tiết tấu nào đó; HS chú ý lắng nghe tiết tấu và quan sát sự chuyển động của tay.

- Lần 1: GV chỉ vỗ tay theo tiết tấu do mình đưa ra, từ dễ đến khó.
 - Lần 2: GV vỗ tay kết hợp với gõ bàn để tạo nên tiết tấu âm thanh.
- GV có thể nâng dần độ khó, đòi hỏi HS chú ý tốt hơn. GV nhận xét về sự tập trung của HS khi chơi và ý nghĩa của sự tập trung trong mọi hoạt động của cuộc sống.
- HS tham gia trò chơi.
- GV nhận xét và phân chia đội thắng – thua.

*** Nhiệm vụ 2: Tổ chức khảo sát về cách học của HS**

- GV tổ chức cho HS tự đánh giá về cách học của bản thân thông qua bảng sau:

STT	Nội dung hướng dẫn	Luôn luôn	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
1	Lắng nghe thầy cô giảng, không làm việc riêng hay nói chuyện trong giờ học			
2	Nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ học tập			
3	Luôn kết hợp với việc lắng nghe với quan sát những hành động, việc làm, hình ảnh được thầy cô giới thiệu trong bài học, ... đồng thời ghi chép đầy đủ những điều cần thiết			
4	Mạnh dạn hỏi thầy cô khi thấy mình chưa hiểu			

- GV đọc từng nội dung, HS sử dụng thẻ màu:

+ Thẻ màu xanh: Luôn luôn

+ Thẻ màu vàng: Thỉnh thoảng

+ Thẻ màu đỏ: Hiếm khi.

- Gv đếm số lượng và thống kê.

- GV đặt câu hỏi: *Hãy cho biết cách thực hiện từng biện pháp và tại sao cần phải thực hiện các biện pháp đó?*

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ kinh nghiệm tập trung chú ý trong học tập**

- GV cho HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn về kinh nghiệm để tập trung chú ý học tập trên lớp: Mỗi nhóm được phát tờ giấy A0 và mỗi thành viên có phần ghi kinh nghiệm của mình, sau khi các thành viên trong nhóm viết các kinh nghiệm của mình thì cả nhóm tập hợp lại và chia sẻ với cả lớp về kinh nghiệm các thành viên trong nhóm mình.

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- GV đặt câu hỏi: Em đã học hỏi được kinh nghiệm nào từ bạn?

*** Nhiệm vụ 4: Thực hành kết hợp nghe - nhìn - ghi chép**

- GV tổ chức cho HS tập phối kết hợp các thao tác nghe - nhìn - ghi chép (đây cũng là minh chứng của sự tập trung học trên lớp).

- GV thực hiện giảng một đoạn kiến thức nào đó (hoặc đọc chậm một đoạn văn ngắn khoảng 5 dòng hoặc chiếu 1 clip) và yêu cầu HS nghe, quan sát và ghi lại ý chính, hình ảnh vào vở. GV có thể cho HS thi đua xem ai ghi lại được chính xác và đầy đủ nhất.

- GV có thể tổ chức thực hành 2 - 3 lần.

- GV cho HS chia sẻ những khó khăn khi thực hành kĩ năng này để GV hỗ trợ rèn luyện thêm.

Ngày soạn: 15/09/ 2021

Tuần 3

Tiết 8

CHỦ ĐỀ 1: KHÁM PHÁ LÚA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI (Tiết 3)

* Hoạt động 3: Dành thời gian cho sở thích của em

a. Mục tiêu: giúp HS cân bằng được giữa trách nhiệm hoàn thành các nhiệm vụ và thực hiện được sở thích của bản thân trong khoảng thời gian nhất định.

b. Nội dung:

- Chia sẻ về sở thích
- Trao đổi cách thực hiện sở thích

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

* **Nhiệm vụ 1: Chia sẻ về sở thích**

- GV hỏi đáp nhanh về các sở thích của HS trong lớp: Em có sở thích gì? Sở thích đó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống của em?

- HS nêu sở thích của mình

* **Nhiệm vụ 2: Trao đổi cách thực hiện sở thích**

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm sau đó chia sẻ trong nhóm theo nội dung bảng sau:

Sở thích	Thời gian thực hiện	Nghề nghiệp liên qua đến sở thích
1.		
2.		
3.		

- GV yêu cầu HS đưa ra các phương án thời gian biểu để thực hiện các sở thích mà không ảnh hưởng đến học tập và giúp việc nhà,

- GV mời một số HS lên trước lớp chia sẻ kế hoạch của mình.

- GV nhận xét và có ý kiến về một số kế hoạch mà HS đã làm.

* **Hoạt động 4: Rèn luyện để thích ứng với sự thay đổi (nhiệm vụ 7, 8 và 9 SGK)**

a. Mục tiêu: giúp HS thực hiện được các biện pháp thích ứng với sự thay đổi để không gặp khó khăn trong quá trình hoạt động và trưởng thành.

b. Nội dung:

- Khảo sát mức độ thực hiện hướng dẫn giúp thích ứng
- Thực hành giúp bạn hòa đồng
- Thể hiện sự tự tin

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

* **Nhiệm vụ 1: Khảo sát mức độ thực hiện hướng dẫn giúp thích ứng**

- Gv đọc từng nội dung trong bảng, HS giơ thẻ để thể hiện ý kiến của mình. Sau sso, GV đếm số thẻ màu và ghi vào ô tương ứng.

STT	Nội dung hướng dẫn	Thuận lợi	Bình thường	Khó khăn
1	Thương yêu, chăm sóc bản thân mình và tự tin về sự thay đổi bản thân			
2	Chủ động tham gia vào các mối quan hệ và cởi mở: - Người thân - Bạn bè - Thầy cô			
3	Sẵn sàng chia sẻ và xin hỗ trợ khi gặp khó khăn			

4	Chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt			
5	Tìm hiểu kĩ các môn học và cách học hiệu quả đối với từng môn học từ thầy cô, anh chị, bạn bè.			
6	Thực hiện cam kết, tuân thủ quy định, nội quy trường lớp, tuân thủ pháp luật			

- GV kết luận và nhận xét đưa ra thuận lợi và khó khăn của HS khi thực hiện các biện pháp thích ứng và căn dặn HS rèn luyện thường xuyên.

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành giúp bạn hoà đồng**

- GV yêu cầu HS đọc ý 1, nhiệm vụ 8, trang 12 SGK và chỉ ra những biểu hiện cho thấy bạn H. chưa thích ứng với môi trường học tập mới?

- HS trả lời: *ước gì không có bài tập về nhà, ngồi chơi một rình, ít giao tiếp với các bạn khác.*

- GV hỏi HS: Ai trong lớp còn giống bạn H.? Hãy chia sẻ nguyên nhân.

- GV tổ chức cho HS thực hành theo nhóm đôi: một bạn sắm vai H. bạn còn lại sắm vai bạn của H. khuyên hoặc rủ H. cùng học, cùng chơi,... để hoà đồng trong môi trường mới.

- GV nhận xét hoạt động.

*** Nhiệm vụ 3: Thể hiện sự tự tin**

- GV yêu cầu HS đọc tình huống của bạn M. và trả lời câu hỏi: *Vì sao bạn M. lại tự tin?* (Nhiệm vụ 9, trang 12 SGK)

- GV tổ chức cho HS chia sẻ với các bạn trong nhóm vì sao mình tự tin/ chưa tự tin. GV theo dõi các nhóm để biết được thực trạng.

- GV tổ chức cho HS thể hiện sự tự tin với bản thân: tổ chức cho HS đi từ cuối lớp lên trước lớp, yêu cầu đi thẳng lưng, mỉm cười chào các bạn; hỏi và yêu cầu HS tự tin khi trả lời các câu hỏi của GV (nói to, rõ ràng).

- GV ghi nhận sự cố gắng của HS và căn dặn HS luôn rèn luyện thường xuyên để có sự tự tin trong học tập, hoạt động, giao tiếp,...

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: giới thiệu sản phẩm ”Tự hào là học sinh lớp 6”

a. Mục tiêu: giúp HS tự tin giới thiệu về bản thân, thông qua đó GV và HS trong lớp có thể đánh giá sự thay đổi của HS

b. Nội dung:

- Giới thiệu sản phẩm theo nhóm

- Giới thiệu sản phẩm trước lớp

- Đánh giá về sự tự tin

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Giới thiệu sản phẩm theo nhóm**

- GV chia lớp thành 6 nhóm thảo luận. Người trình bày phát biểu. GV yêu cầu HS sử dụng cả nội dung của nhiệm vụ 10 được chuẩn bị trong SBT khi giới thiệu sản phẩm.

- GV đưa ra một số tiêu chí để HS vừa quan sát bạn trình bày, vừa đưa ra ý kiến của mình về:

- Nội dung: sở thích, khả năng, tính cách đặc trưng nào đó,...
- Phong cách trình bày: tự tin, tương tác với các bạn,...
- Ngôn ngữ: lưu loát, rõ ràng và có biểu cảm,...

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ nhóm. Lần lượt từng thành viên trong nhóm giới thiệu bản thân thông qua sản phẩm,

- Mỗi bạn chia sẻ ý kiến của mình: *Học được gì từ bạn và rút kinh nghiệm gì từ bạn thông qua phần trình bày?*

- GV quan sát các nhóm làm việc và hỗ trợ khi cần thiết.

*** Nhiệm vụ 2: Giới thiệu sản phẩm trước lớp**

- GV yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm đúng nơi quy định. Cho từng nhóm nối tiếp nhau đi tham quan sản phẩm của các nhóm bạn.
- GV trao đổi với HS về cảm nhận của mình với các sản phẩm của bạn.
- GV mời một vài HS có sản phẩm đặc biệt giới thiệu trước lớp.

*** Nhiệm vụ 3: GV đánh giá về sự tự tin**

- GV đánh giá sự tự tin của HS với sản phẩm làm được.
- Đánh giá sự tiến bộ của HS.

Hoạt động 2: cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua một số từ đặc tả, từ đó HS biết hướng hoàn thiện và phát triển.

b. Nội dung:

- Chọn từ ngữ mô tả tính cách của bạn
- Chia sẻ cảm xúc.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Chọn từ ngữ mô tả tính cách của bạn:**

- GV yêu cầu mỗi bạn trong nhóm hãy tìm ra một từ ngữ để mô tả gần đúng nhất với tính cách của một bạn trong nhóm (5HS/ nhóm).

Ví dụ, bạn M. nhận được những từ sau:



- GV yêu cầu HS viết lại những từ ngữ mà các bạn dành cho mình (có thể viết vào SBT, nếu có); hãy chia sẻ với các bạn xem từ ngữ nào mình đồng ý với bạn, từ ngữ nào cần chia sẻ thêm để bạn hiểu đúng mình hơn hoặc là mình cần cố gắng nhiều hơn để xứng đáng với từ bạn dành cho.

Ví dụ: Tớ thấy mình cũng hay giúp đỡ mọi người nhưng chắc phải giúp đỡ mọi người nhiều hơn nữa thì mới dám nhận từ tốt bụng,

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ cảm xúc**

- GV tổ chức thảo luận chung cả lớp: *Em ấn tượng nhất với từ nào mà bạn dành cho mình? Vì sao? Cảm xúc của em thế nào?*

- GV kết luận: *Hoạt động này giúp các em tự nhìn lại bản thân mình và biết các bạn đang nghĩ về tình như thế nào để rèn luyện tự tin hơn, hoà đồng hơn,...*

Ngày soạn: 22/09/ 2021

Tuần 4

Tiết 11

CHỦ ĐỀ 1: KHÁM PHÁ LÚA TUỔI VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP MỚI (Tiết 4)

Hoạt động 3: Khảo sát cuối chủ đề (dựa vào nhiệm vụ 11 SGK)

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân sau khi trải nghiệm với chủ đề.

b. Nội dung:

- Chia sẻ thuận lợi và khó khăn sau chủ đề
- Đưa ra số liệu khảo sát

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS mở nhiệm vụ 11 - ý 1 SGK, chia sẻ thuận lợi và khó khăn khi học chủ đề này.
- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 11 - ý 2 SGK. GV xác định mức độ phù hợp với mỗi nội dung đánh giá thì cho điểm vào từng mức độ trong bảng. GV hỏi HS và ghi điểm vào bảng:

STT	Tự đánh giá	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Tổng điểm
1	Em thấy lo lắng về sự thay đổi của cơ thể mình	1	2	3	
2	Em tự hào về những sở thích và khả năng của mình	3	2	1	
3	Em biết điều chỉnh bản thân để phù hợp với môi trường giao tiếp	3	2	1	
4	Em đã biết cách hòa đồng cùng các bạn trong lớp	3	2	1	
5	Em mạnh dạn hỏi thầy cô khi không hiểu bài	3	2	1	
6	Em có nhiều bạn	3	2	1	
7	Em đã quen với cách học ở trường THCS	3	2	1	
8	Em biết kiểm soát cảm xúc mình tốt hơn.	3	2	1	

- GV yêu cầu HS tính tổng điểm mình đạt được. Yêu cầu HS đưa ra một vài nhận xét từ số liệu thu được về sự tự tin, sự thay đổi tích cực của HS khi bước vào lớp 6.
- GV nhận xét kết quả dựa trên số liệu tổng hợp được. GV lưu ý: Điểm càng cao thì sự tự tin và khả năng thích ứng của HS càng tốt.
- GV đánh giá độc lập sự tiến bộ của HS trong chủ đề này.

V. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kỹ năng, chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch hoạt động cho chủ đề tiếp theo.

b. Nội dung:

- Rèn luyện kỹ năng thích ứng với môi trường mới
- Chuẩn bị bài mới

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng**

- Yêu cầu HS chia sẻ những kỹ năng cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện và cách tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân trong rèn luyện.

*** Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị chủ đề mới**

- GV yêu cầu HS mở chủ đề 2, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.
- GV giao cho HS chuẩn bị các nhiệm vụ của chủ đề 2, HS thực hiện những nhiệm vụ GV yêu cầu (làm trong SBT, nếu có); GV lưu ý HS về nhiệm vụ 8 tạo chiếc lọ thần kì ngay từ đầu chủ đề.

- GV rà soát xem những nội dung cần chuẩn bị cho giờ hoạt động trải nghiệm của chủ đề tiếp theo và yêu cầu HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

VII. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

.....

Ngày soạn: 01/10/ 2021

Tuần 5

Tiết 14

CHỦ ĐỀ 2: CHĂM SÓC CUỘC SỐNG CÁ NHÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
- Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

- + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.
- + Tự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng với nhiệm vụ được giao.
- + Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Một số trò chơi, bài hát phù hợp với chủ đề cho phần khởi động lớp học.
- Tranh ảnh, tình huống trình chiếu cho HS dễ quan sát.
- Không gian lớp học để HS dễ dàng hoạt động.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập
- Chuẩn bị các nhiệm vụ trong SGK (làm trong SBT; nếu có).
- Thực hiện nhiệm vụ 8, trang 20 SGK ngay từ tuần đầu của chủ đề này: Sáng tạo bốn chiếc lọ thần kì hoặc bốn chiếc túi giấy thần kì.
- Chụp ảnh hoặc vẽ tranh không gian sinh hoạt của mình tại gia đình.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: giúp HS hứng thú với chủ đề, hiểu được tầm quan trọng của việc chăm sóc cuộc sống bản thân và chỉ rõ được những việc cần làm để đạt được mục tiêu của chủ đề,

b. Nội dung: GV giới thiệu ý nghĩa và nội dung của chủ đề

c. Sản phẩm: nội dung và ý nghĩa khi thực hiện chủ đề.

d. Tổ chức thực hiện:

- + GV cho HS thảo luận nhóm: Quan sát tranh chủ đề, mô tả hoạt động của các nhân vật trong tranh và ý nghĩa của việc làm đó; thảo luận ý nghĩa thông điệp của chủ đề.
- + HS quan sát và thảo luận, trình bày ý kiến.
- + GV giới thiệu : khi ở lứa tuổi đó đã nhận thức về chăm sóc bản thân như tập thể dục, đọc sách báo, sắp xếp thời gian, sắp xếp đồ đạc, ngủ đủ giấc, uống nhiều nước, ăn đủ chất dinh dưỡng, viết ra những niềm vui mỗi ngày,.... Vậy để biết cách chăm sóc cuộc sống cá nhân của mình như thế nào, chúng ta tìm hiểu **chủ đề 2**. Sự chăm sóc bản thân trong chủ đề này tập trung vào chăm sóc sức khoẻ thể chất, sức khoẻ tinh thần và tổ chức cuộc sống cá nhân ngăn nắp, gọn gàng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chăm sóc sức khỏe qua việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hàng ngày.

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết và hiểu được ý nghĩa của từng biện pháp chăm sóc sức khỏe của bản thân


b. Nội dung:

- Thực hiện chế độ dinh dưỡng hàng ngày

- Khám phá những thay đổi của bản thân khi thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Thực hiện chế độ dinh dưỡng hàng ngày Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Quan sát hình trong SGK/ 16 và dựa trên nhiệm vụ 1 trong SGK, GV cho HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn về ý nghĩa của các biện pháp chăm sóc bản thân. + Chế độ dinh dưỡng + Nghỉ ngơi hợp lý + Tập thể dục, thể thao + Vệ sinh cá nhân + Ngủ đủ giấc</p>  <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p>	<p>I. Chăm sóc sức khỏe qua việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hàng ngày. 1. Thực hiện chế độ dinh dưỡng hàng ngày - Ăn đủ bữa, không bỏ bữa sáng - Chế độ ăn uống cân bằng và hợp lý về dinh dưỡng (theo tháp dinh dưỡng) - Uống đủ nước mỗi ngày - Nghỉ ngơi hợp lý - Tập thể dục, thể thao - Vệ sinh cá nhân - Ngủ đủ giấc</p> <p>2. Khám phá những thay đổi của bản thân khi thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày - Cơ thể khỏe mạnh hơn - Tinh thần sáng khoái, vui vẻ hơn - Tự tin về bản thân hơn - Vóc dáng đẹp hơn,....</p>

*** Nhiệm vụ 2: Khám phá những thay đổi của bản thân khi thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm: *Việc thực hiện tốt chế độ sinh hoạt hàng ngày đã và sẽ mang lại cho bản thân điều gì?*

- GV yêu cầu mỗi cá nhân hãy ghi chép lại những thay đổi tích cực vào một tờ giấy để bỏ vào chiếc lọ nhắc nhở hoặc lọ thú vị của mình.

Ví dụ:

Khoẻ
mạnh
hơn

Tinh
thần
sáng
khoái
hơn

Vui
vẻ
hơn

Tự
tin
hơn

Cơ
thể
đẹp
hơn

Thay đổi
khác...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

Ngày soạn: 07/10/ 2021

Tuần 6

Tiết 17

CHỦ ĐỀ 2: CHĂM SÓC CUỘC SỐNG CÁ NHÂN(Tiết 2)

Hoạt động 2: Tìm hiểu và thực hành tư thế đi, đứng và ngồi đúng.

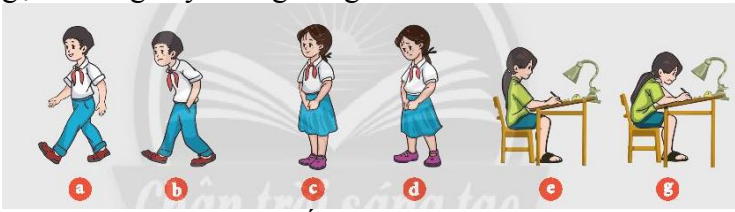
a. Mục tiêu: giúp HS thực hành đúng tư thế đi, đứng và ngồi để không bị ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ cơ và xương.

b. Nội dung:

- Quan sát hình ảnh và tìm hiểu tư thế đi, đứng, ngồi đúng
- Thực hành đi, đứng, ngồi đúng.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS quan sát hình ảnh các tư thế đi, đứng, ngồi và yêu cầu HS chỉ ra tư thế đúng và phân tích tư thế đó gọi là đúng hay không đúng?  <ul style="list-style-type: none">- GV đặt câu hỏi: Tư thế không đúng sẽ ảnh hưởng như thế nào đến cơ thể mỗi cá nhân?- GV yêu cầu cả lớp đứng dậy, đứng tư thế đúng. GV mời một vài HS cùng quan sát tư thế của HS trong lớp và chỉnh sửa.- GV cho từng nhóm đi lại trong lớp theo tư thế đúng, chỉnh sửa tư thế chưa đúng.- Sau khi HS ngồi vào chỗ, GV yêu cầu cả lớp ngồi theo tư thế đúng, nhắc nhở những HS ngồi chưa đúng. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.+ HS ghi bài.	<p>II. Tìm hiểu và thực hành tư thế đi, đứng và ngồi đúng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Tư thế đứng đúng: Đem hai bàn chân tiếp xúc hoàn toàn với mặt đất. Giữ thẳng hai chân để trọng lực cơ thể cân bằng. Giữ lưng thẳng. Đầu cổ giữ thẳng trục với lưng, mắt nhìn về phía trước.- Tư thế ngồi đúng: Hai bàn chân tiếp xúc hoàn toàn với mặt đất. Hai đầu gối giữ vuông góc. Không giữ vuông góc với thân người. Lưng thẳng. Đầu cổ giữ thẳng trục với lưng. Mắt nhìn về phía trước.- Tư thế đi đúng: đi thẳng người, không được gù lưng.- Nếu đi, đứng, ngồi không đúng tư thế sẽ bị vẹo cột sống, ảnh hưởng đến hệ cơ và dáng người.

Hoạt động 3: Sắp xếp không gian học tập, sinh hoạt của em

a. Mục tiêu: giúp HS rèn luyện thói quen ngăn nắp, gọn gàng trong sinh hoạt.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS chia sẻ theo nhóm dựa trên ảnh/ tranh vẽ của mỗi cá nhân về góc học tập và nơi sinh hoạt của mình

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS chia sẻ theo nhóm dựa trên ảnh/ tranh vẽ của mỗi cá nhân về góc học tập và nơi sinh hoạt của mình.- GV có thể sử dụng các nội dung sau để yêu cầu HS chia sẻ hoặc có thể bổ sung thêm một số nội dung nếu thấy cần thiết.+ Kể những việc mình làm để góc học tập, nơi sinh hoạt ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.+ Mức độ thường xuyên của việc làm đó (hàng ngày/ hàng tuần).+ Cảm xúc của bản thân khi học tập, sinh hoạt trong không gian gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. <p>- GV yêu cầu HS sắp xếp lại chỗ ngồi học trên lớp của mình gọn gàng, ngăn nắp.</p> <p>- GV mời một vài HS chia sẻ cảm xúc khi có thói quen ngăn nắp, gọn gàng.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.+ HS ghi bài.	<p>3. Sắp xếp không gian học tập, sinh hoạt của em</p> <ul style="list-style-type: none">- Hằng ngày, sắp xếp để góc học tập ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ như: sắp xếp sách vở và đồ dùng học tập đúng nơi quy định; dọn rác sau khi học tập xong,...- Góc học tập gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ sẽ mang lại cảm giác vui vẻ, học tập hiệu quả hơn, tìm đồ dùng hoặc sách vở dễ dàng hơn,...

Ngày soạn: 15/10/ 2021

Tuần 7

Tiết 20

CHỦ ĐỀ 2: CHĂM SÓC CUỘC SỐNG CÁ NHÂN(Tiết 3)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Kiểm soát nóng giận

a. Mục tiêu: giúp HS trải nghiệm một số kỹ thuật kiểm soát nóng giận, từ đó biết cách giải tỏa tâm lý của mình trong cuộc sống.

b. Nội dung:

- Thực hành điều hòa hơi thở
- Thực hành nghĩ về điểm tốt đẹp của người khác
- Trải nghiệm kiểm soát cảm xúc trong cuộc sống.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Thực hành điều hòa hơi thở**

- GV cho cả lớp ngồi tư thế thẳng lưng, hai tay để ngửa trên bàn, sau đó cùng nhắm mắt thực hiện kỹ thuật tập trung vào hơi thở: hít sâu và thở ra từ từ. Làm đi làm lại vài lần.
- HS thực hiện.
- GV giải thích vì sao việc làm này lại giảm được cơn nóng giận.
- GV kết luận: *Khi tập trung vào hơi thở, bản thân sẽ không chú ý đến những việc trước đó, những điều làm chúng ta cáu giận. Khi điều hoà hơi thở, chúng ta điều hoà nhịp tim và vì thế sẽ bình tĩnh lại.*

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành nghĩ về điểm tốt đẹp ở người khác**

- GV cho cả lớp hoạt động theo cặp đôi: Nói ra những điều tích cực của bạn mình trong 3 phút (nói luân phiên).
- GV khảo sát về kết quả làm việc của HS bằng cách cho các em giơ tay trả lời các câu hỏi:
 - + Em nào nói được từ 10 điều tốt về bạn trù lên?
 - + Em nào nói được từ 7 điều tốt về bạn trở lên?
- GV mời một HS lên đứng trước lớp và cả lớp nói những điều tích cực về bạn đó (người nói sau không trùng với người nói trước).
- GV kết luận: *Khi nghĩ đến những điều tích cực của bạn thì sự nóng giận cũng sẽ giảm. Các em cần thực hành thường xuyên điều này trong cuộc sống để kiểm soát nóng giận tốt hơn.*

*** Nhiệm vụ 3: Trải nghiệm kiểm soát cảm xúc trong tình huống**

- GV cho HS thảo luận nhóm theo 3 tình huống của nhiệm vụ 4 ở trang 18 SGK (mỗi nhóm 1 tình huống và có thể bổ sung các tình huống khác): Em sẽ thực hiện kỹ thuật nào để giải tỏa cơn nóng giận của mình?
- GV yêu cầu HS sắm vai theo tình huống, thể hiện kỹ thuật giải tỏa nóng giận theo nhóm đôi (kiểm soát hơi thở; nghĩ về điều tích cực ở đối phương).
- GV hướng dẫn HS mô tả những thay đổi trong cơ thể mình khi cơn bực tức “lớn dần” và phỏng vấn: Khi dùng kỹ thuật giải tỏa cơn nóng giận, em thấy cơ thể thay đổi như thế nào?
- GV nhấn mạnh rằng khi mình vượt qua sự tức giận, mình đã chiến thắng bản thân và sẽ có nhiều cơ hội thành công trong cuộc đời.
- GV kết luận: *Kiểm soát nóng giận là một kỹ năng quan trọng với mỗi cá nhân, Nóng giận làm gia tăng nhịp tim, huyết áp, không tốt cho bộ não và còn làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ xã hội. Để kiểm soát nóng giận, chúng ta có thể điều hoà hơi thở, nghĩ về điều tốt đẹp của đối phương hoặc tránh đi chỗ khác...*

Hoạt động 2: Tạo niềm vui và sự thư giãn

a. Mục tiêu: HS trải nghiệm với các biện pháp tự tạo cảm xúc tích cực, niềm vui cho bản thân và cảm nhận được ý nghĩa của việc làm đó khi bị căng thẳng.

b. Nội dung:

- HS trao đổi về các hình thức giải trí, văn hóa, thể thao
- Trải nghiệm một số hoạt động tạo thư giãn.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Trao đổi về các hình thức giải trí, văn hoá, thể thao của HS**

- GV hỏi cả lớp: *Ai thích loại hình giải trí: nghe nhạc, đọc truyện, xem phim, chơi thể thao, viết nhật kí, trồng hoa, chăm sóc vườn,...?*

- GV đọc từng loại hình giải trí, HS giơ tay đưa ra loại hình mình hay sử dụng.

- GV thống kê số lượng để biết hình thức nào HS hay sử dụng nhất. GV có thể khuyên các em nên dùng nhiều cách thức khác nhau để thư giãn và tạo niềm vui vì điều đó sẽ làm cuộc sống thú vị hơn.

*** Nhiệm vụ 2: Trải nghiệm một số hoạt động tạo thư giãn**

- GV hỏi HS: Em thích nghe nhất nhạc gì, bài hát nào?

- HS trả lời. Sau đó GV cùng cả lớp nghe bài hát nhiều HS yêu thích.

- GV hỏi HS về cảm xúc khi nghe xong bài hát/ bản nhạc

- HS trả lời: Khi nghe bài hát này em cảm thấy thoải mái, dễ chịu, thú vị, vui,....

- GV yêu cầu HS thực hiện một số động tác vận động để thư giãn cơ thể (Những động tác mà các em đã được học ở môn Giáo dục thể chất 6).

- GV hỏi HS về cảm giác sau khi vận động thư giãn,

- GV kết luận: *Tạo niềm vui là cách chăm sóc đời sống tinh thần rất hiệu quả. Niềm vui giống như liều thuốc bổ cho tâm hồn tươi mới. Chúng ta không thể chờ ai đó tặng cho mình niềm vui mà hãy tự mình biết cách làm cho mình vui vẻ.*

Hoạt động 3: Kiểm soát lo lắng

a. Mục tiêu: giúp HS biết kiểm soát lo lắng để không ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và học tập.

b. Nội dung:

- Nguyên nhân dẫn đến sự lo lắng

- Luyện tập kiểm soát lo lắng

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Nguyên nhân dẫn đến sự lo lắng**

- GV khảo sát HS để tìm hiểu những nguyên nhân thường làm các em lo lắng. Phân loại theo các nhóm nguyên nhân, bằng cách trả lời câu hỏi:

+ Khi nào em thực sự rất lo lắng?

+ Cần làm gì để vượt qua được sự lo lắng?

+ Khi lo lắng, em thường có biểu hiện tâm lí như thế nào? Em có muốn thoát ra khỏi tâm trạng lo lắng không?

- HS trả lời, HS khác bổ sung.

- GV kết luận:

+ Một số nguyên nhân dẫn đến lo lắng:

- Lo lắng về học tập.
- Lo lắng về quan hệ bạn bè.
- Lo lắng về việc gia đình.
- Lo lắng về hành vi có lỗi khi không thực hiện đúng theo cam kết, theo quy định.

+ Cách kiểm soát sự lo lắng:

- Xác định vấn đề mà em lo lắng
- Xác định nguyên nhân dẫn đến lo lắng
- Đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề lo lắng
- Đánh giá hiệu quả của biện pháp đã sử dụng

*** Nhiệm vụ 2: Luyện tập kiểm soát lo lắng**

- GV chia sẻ với cả lớp về bản chất của lo lắng: "Lo lắng là một trạng thái cảm xúc, thường gắn với vấn đề nào đó chưa được giải quyết hoặc đánh giá quá mức vấn đề xảy ra. Để giảm lo lắng, chúng ta cần

phải giải quyết những nguyên nhân tạo ra sự lo lắng hoặc điều chỉnh nhận thức và cảm xúc của bản thân.”

- GV chia lớp thành 6 nhóm thảo luận 3 phút và giải quyết hai vấn đề sau:

+ Nhóm 1,2,3 giải quyết vấn đề: Lo lắng vì đến lớp không có bạn chơi cùng. (Làm gì để bạn chơi với mình?).

+ Nhóm 4,5,6 giải quyết vấn đề: Lo sợ bị bắt nạt ở lớp. (Làm gì để không bị bắt nạt?).

- GV mời đại diện các nhóm trình bày

+ Nhóm 1,2,3 đưa ra biện pháp: Gặp bạn/ nhóm bạn mình muốn chơi cùng và chia sẻ với các bạn đó về nỗi buồn của mình, thực sự rộng lòng được các bạn chơi với mình.

+ Nhóm 4,5,6 đưa ra biện pháp: Nhờ lớp trưởng/ GV chủ nhiệm làm cầu nối giữa mình với các bạn tẩy chay mình. Khi gặp nhau cùng trao đổi cởi mở: Vì sao các bạn không muốn chơi cùng mình? Hệ quả của việc này thế nào? Làm gì để chúng ta trở thành những người bạn? Làm gì để hiện tượng này không xảy ra trong lớp học?

- GV yêu cầu mỗi nhóm lựa chọn một vấn đề mà các bạn trong nhóm hay lo lắng nhất (trừ những vấn đề nêu ra ở phần trước) và tìm cách giải quyết để giảm lo lắng theo hướng dẫn của nhiệm vụ 6, trang 19 SGK,

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- GV kết luận: *Kiểm soát lo lắng là một trong những kỹ năng điều chỉnh cảm xúc mà mỗi cá nhân cần rèn luyện mới có. Lo lắng làm ta bất an. Biết kiểm soát lo lắng sẽ thấy bình yên trong tâm trí.*

Ngày soạn: 21/10/ 2021

Tuần 8

Tiết 23

CHỦ ĐỀ 2: CHĂM SÓC CUỘC SỐNG CÁ NHÂN(Tiết 4)

Hoạt động 4: Suy nghĩ tích cực để kiểm soát cảm xúc

a. Mục tiêu: giúp HS biết tư duy theo hướng tích cực, từ đó các em sẽ có tâm hồn trong sáng và khỏe mạnh.

b. Nội dung:

- Phân biệt người có tư duy tích cực và người có tư duy tiêu cực

- Suy nghĩ về những điều tốt đẹp, nhớ về những kỉ niệm đẹp.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Nhiệm vụ 1: Phân biệt người có tư duy tích cực và người có tư duy tiêu cực**

- GV cho HS xem các bức tranh về người có tư duy tích cực, người có tư duy không tích cực và đoán: Ai là người có tư duy tích cực, ai là người có tư duy tiêu cực?



- HS trả lời: Bạn nhỏ bên trái có suy nghĩ tiêu cực, bạn nhỏ bên phải có suy nghĩ tích cực.

- Yêu cầu HS cho một số ví dụ thực tiễn mà các em đã gặp tương tự như tình huống trong tranh. HS nêu một số ví dụ trong thực tế hằng ngày.

- GV kết luận: *Suy nghĩ tích cực là yếu tố quyết định để mỗi chúng ta có cái nhìn lạc quan, vui vẻ và có một tâm hồn khỏe mạnh. Người có suy nghĩ tích cực luôn tin rằng mình sẽ làm được, sẽ vượt qua mọi trở ngại nếu mình cố gắng.*

* **Nhiệm vụ 2: Suy nghĩ về những điều tốt đẹp, nhớ về những kỉ niệm đẹp**

- GV mời một vài HS chia sẻ về kỉ niệm đẹp với bạn/ các bạn trong lớp và nêu cảm nhận khi kể về những kỉ niệm đó.

- GV trình chiếu cho HS xem một đoạn video clip (hoặc kể chuyện) về cảnh đẹp quê hương, về thiên nhiên, về tấm gương người tốt việc tốt, về tấm gương ý chí, nghị lực,... giúp HS có cái nhìn tích cực về cuộc sống, yêu cuộc sống quanh ta.

- GV hỏi: Em có cảm xúc gì của HS sau khi xem/ nghe đoạn video đó.

- GV khẳng định: *Khi nghĩ về những kỉ niệm đẹp thường làm chúng ta vui vẻ, phấn chấn. Để tạo ra cách suy nghĩ tích cực, chúng ta hãy thường xuyên nghĩ về điều tốt của mọi người, về những kỉ niệm đẹp, xem những clip phong cảnh, phim,... có nội dung hay, lành mạnh.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động 1: Sáng tạo chiếc lọ thần kì

a. Mục tiêu: giúp HS trải nghiệm với những “chiếc lọ” và cảm nhận được giá trị đích thực từ những việc làm nhỏ bé, tích cực mang lại, từ đó tạo động lực thực hiện những việc làm tốt, thú vị cho HS.

b. Nội dung:

- Khám phá những chiếc lọ thần kì
- Trải nghiệm và cảm nhận từng chiếc lọ

c. Sản phẩm: Kết quả thảo luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Khám phá những chiếc lọ thần kì**

- GV yêu cầu HS để những chiếc lọ thần kì (hoặc 4 chiếc túi giấy thần kì) của mình lên bàn với những mảnh giấy đã được viết và bỏ vào bên trong.
- GV hỏi cả lớp xem mỗi chiếc lọ (túi giấy) của mình có bao nhiêu tờ giấy đã được viết.
- Mời một số HS đọc những tờ giấy để chia sẻ cùng cả lớp.
- Ví dụ:

Chiếc lọ nhắc nhở	Chiếc lọ thú vị	Chiếc lọ thử thách	Chiếc lọ cười
Cảm thấy vui khi thấy bạn H cười với mình.	Thích nghe bài hát dân ca	Bình tĩnh, tự tin	Cười mỉm, cười duyên
Bạn X đã giúp mình bê chông sách nặng	Thích nói chuyện với bản thân	Đúng giờ, đúng hẹn	Cười khúc khích
Mình đã hoàn thành bài tập về nhà sớm hơn dự định	Thích làm bánh cùng mẹ	Vui vẻ, hoà đồng	Cười phá lên, cười sáng khoái

*** Nhiệm vụ 2: Trải nghiệm và cảm nhận từng chiếc lọ**

- GV tổ chức cho HS trải nghiệm và cảm nhận với từng chiếc lọ khi HS đọc cảm nhận của mình (có thể bóc trong lọ của GV) như sau:
 - + **Chiếc lọ nhắc nhở:** HS bóc một mảnh giấy trong chiếc lọ nhắc nhở và nói cảm xúc của mình khi đọc thông tin này.
Ví dụ: Mình rất vui khi thấy bạn cười tươi với mình. (Khi đọc thông tin này, mình thấy rất vui và cảm mến bạn hơn.)
 - + **Chiếc lọ thú vị:** HS bóc một mảnh giấy ra và đọc. Nếu điều thú vị đó hợp lí sẽ được đáp ứng ngay.
Ví dụ: Bây giờ tôi rất muốn được nghe hát. GV cho cả lớp cùng hát một bài hoặc một nhóm bạn hát cho cả lớp cùng nghe. Hoặc GV có thể cho HS khác bóc các mảnh giấy tiếp theo (có thể là: Tôi thích nói chuyện với bạn. GV cho lớp 1 phút nói chuyện tự do với nhau,...).
 - + **Chiếc lọ thử thách:** HS bóc một mảnh giấy và đọc. Nếu thử thách đó có thể thực hiện trên lớp thì GV tổ chức thực hiện ngay.
Ví dụ: Tự tin. GV cùng HS nhắc lại các cách để tự tin và thể hiện sự tự tin. Sau đó cho HS thực hành một số hành vi thể hiện sự tự tin như: đi đứng đúng tư thế, mắt nhìn vào người đối diện, thả lỏng cơ thể và mỉm cười,...
 - + **Chiếc lọ cười:** HS bóc mảnh giấy và đọc xem đó là điệu cười gì.
Ví dụ: Hãy cười mỉm với chính mình. GV tổ chức cho HS cười mỉm với nhau.
- Sau mỗi phần, GV hãy thảo luận về ý nghĩa của hoạt động mang lại cho HS.
- GV nhận xét hoạt động và căn dặn HS hãy tiếp tục bổ sung “những mảnh giấy” vào chiếc lọ và sử dụng hiệu quả những chiếc lọ thần kì này để bản thân luôn trở nên tích cực.

Hoạt động 2: Chiến thắng bản thân

a. Mục tiêu: giúp HS ứng xử linh hoạt trong các tình huống của cuộc sống, qua đó rèn luyện ý chí, quyết tâm xây dựng thói quen tốt từ việc chăm sóc bản thân.

b. Nội dung: xử lí các tình huống

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS thảo luận theo nhóm về 3 tình huống của nhiệm vụ 9, trang 21 SGK

+ Nhóm 1 - Tình huống 1: Em đặt chuông báo thức vào lúc 6h mỗi sáng để dậy tập thể dục nhưng chuông reo rồi mà em vẫn rất khó ra khỏi giường. Em nên làm gì để có thể vùng dậy lúc chuông reo để tập thể dục mỗi sáng?

+ Nhóm 2 - Tình huống 2: Bố dặn em không nên uống nước đá vì sẽ hỏng răng và viêm họng. Tuy nhiên, em đang rất khát nước và muốn phá lệ. Em nên làm gì để thể hiện mình là người biết nghe và làm điều tốt?

+ Nhóm 3- Tình huống 3: Theo thời gian biểu, sau khi đi học về em sẽ giúp bố mẹ dọn dẹp nhà cửa. Nhưng về đến nhà em mở tivi ra xem và không muốn làm gì. Em cần làm gì để mình có kỉ luật hơn và thực hiện đúng thời gian biểu?

- Các nhóm thảo luận ghi lại các cách xử lí mà nhóm đưa ra, sắp xếp các cách đó theo thứ tự từ nhiều bạn lựa chọn đến ít bạn lựa chọn.

- Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.

- GV yêu cầu HS ghi lại những cách ứng xử mà em cho là phù hợp với mình.

- GV yêu cầu HS chia sẻ những tình huống “tranh đấu” của bản thân để có thể ra quyết định đúng/ chưa đúng.

- HS chia sẻ. GV nhận xét và bổ sung.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Trình diễn xử lí tình huống kiểm soát nóng giận và lo lắng.

a. Mục tiêu: giúp GV quan sát xem HS đã sử dụng những điều học được vào xử lí tình huống như thế nào.

b. Nội dung:

- Thực hành một số kĩ thuật điều chỉnh cảm xúc

- Xử lí các tình huống.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

** Nhiệm vụ 1: Thực hành một số kĩ thuật điều chỉnh cảm xúc*

- GV cùng cả lớp cười theo các mức độ khác nhau: hi hi, ha ha, hô hô,...

- GV cho cả lớp thực hiện một số động tác tĩnh tâm: nhắm mắt thở đều, lắng nghe tiếng thở,...

- GV nhắc lại ý nghĩa của một số kĩ thuật điều chỉnh cảm xúc của bản thân và dặn HS nhớ sử dụng khi cần.

** Nhiệm vụ 2: Xử lí các tình huống.*

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm về 2 tình huống theo yêu cầu của nhiệm vụ 10:

+ Mô tả tình huống.

+ Thảo luận cách xử lí

- HS sắm vai để trình diễn kiểm soát tức giận và lo lắng trong nhóm. GV quan sát các nhóm để hỗ trợ.

- GV yêu cầu mỗi nhóm lựa chọn ra một tình huống và trình diễn cách mà mình đã làm để giảm nóng giận và lo âu. Tùy theo thời gian, GV có thể cho HS trình diễn thêm các tình huống khác.

- GV cùng cả lớp trao đổi, nhận xét. GV có thể dựa trên sự trình diễn của HS để đánh giá được sơ bộ về sự tự tin của HS trong điều chỉnh cảm xúc của bản thân.

Hoạt động 3: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua quan sát và trả lời một số câu hỏi cơ bản, từ đó HS biết hướng hoàn thiện và phát triển.

b. Nội dung:

- Lựa chọn từ ngữ mô tả bạn

- Chia sẻ trong nhóm.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Lựa chọn từ ngữ phù hợp mô tả bạn**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm: Mỗi bạn lựa chọn từ ngữ phù hợp với từng bạn trong nhóm liên quan đến nội dung chăm sóc và điều chỉnh bản thân để tặng bạn.

- HS đưa ra các từ ngữ phù hợp với tính cách các bạn trong nhóm như:

- Hay lo lắng vô cớ
- Biết động viên người khác
- Dễ nổi nóng
- Ngăn nắp, gọn gàng
- Ít chê người khác
- Vui vẻ, hoà đồng
- Kiểm chế cảm xúc chưa tốt

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ trong nhóm**

- GV yêu cầu HS trong nhóm chia sẻ cho các bạn biết mình mong đợi gì ở bạn và mình yêu thích gì ở bạn về chăm sóc cuộc sống cá nhân.

- Những bạn đã thực hiện tốt việc chăm sóc bản thân hãy chia sẻ kinh nghiệm để các bạn có tiến bộ nhanh hơn ở những nội dung liên quan.

Hoạt động 3: Khảo sát cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân sau khi trải nghiệm chủ đề.

b. Nội dung:

- HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi trải nghiệm chủ đề

- Tổng kết số liệu khảo sát.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi trải nghiệm chủ đề này.

- GV yêu cầu HS phải xác định mức phù hợp với mình ở từng nội dung và yêu cầu HS chấm điểm đánh giá: hoàn toàn đồng ý 3 điểm, đồng ý 2 điểm, không đồng ý 1 điểm.

STT	Nội dung chăm sóc bản thân	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý
1	Em đi ngủ và thức dậy theo lịch đề ra	3	2	1
2	Em đảm bảo các bữa ăn hợp lí	3	2	1
3	Em không uống nhiều nước có chất gây nghiện	3	2	1
4	Em tập thể dục đều đặn	3	2	1
5	Em tắm rửa, vệ sinh cá nhân hằng ngày và thay giặt quần áo thường xuyên	3	2	1
6	Em bắt đầu biết kiểm soát nóng giận	3	2	1
7	Em bước đầu biết kiểm soát lo lắng	3	2	1
8	Em biết tự tạo niềm vui và thư giãn cần thiết	3	2	1
9	Em biết cách suy nghĩ tích cực	3	2	1
10	Em bắt đầu biết điều chỉnh bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp	3	2	1
11	Em sắp xếp nơi học tập gọn gàng, sạch sẽ, thoải mái.	3	2	1

- Gv yêu cầu HS tính tổng điểm rèn luyện mình đạt được. GV rút ra nhận xét.

V. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kĩ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kĩ năng đã học từ chủ đề

- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS chia sẻ những kỹ năng cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện và tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân trong rèn luyện.

- GV yêu cầu HS mở chủ đề 3 SGK, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.

- GV giao cho HS chuẩn bị các nhiệm vụ của chủ đề 3. Chuẩn bị sưu tầm danh ngôn về tình bạn, tình thầy trò và xây dựng sổ tay giao tiếp của lớp.

- GV rà soát xem những nội dung nào cần chuẩn bị cho giờ hoạt động trải nghiệm của tuần tiếp theo và yêu cầu HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

VII. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

.....

Ngày soạn: 30/10/ 2021

Tuần 9

Tiết 26

CHỦ ĐỀ 3: XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Thiết lập và giữ gìn được tình bạn, tình thầy trò.
- Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè,

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

- + Thể hiện được chính kiến khi phản biện, bình luận về các hiện tượng xã hội và giải quyết mâu thuẫn.
- + Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.
- + Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống,

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Chuẩn bị đồ dùng học tập: nam châm bằng từ, in sẵn các phương án lựa chọn để HS gắn lên bảng, giấy nhớ các màu (hoạt động 7), giấy A0 hoặc A1, bút dạ các màu, băng dính.
- Chuẩn bị các bài hát về chủ đề tình thầy trò, tình bạn.
- Quả bóng.
- Các bảng khảo sát.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập
- Chuẩn bị trước các nhiệm vụ trong SGK.
- Thẻ màu.
- Bút viết, bút màu, giấy A4, kéo, keo dính.
- Thực hiện bông hoa danh ngôn (nhiệm vụ 9), sổ tay giao tiếp của lớp (nhiệm vụ 10).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: giúp HS hứng thú với chủ đề, thấy được tầm quan trọng của việc xây dựng tình bạn, tình thầy trò; thấy được sự cần thiết thực hiện những việc làm cụ thể để xây dựng các mối quan hệ và cải thiện mối quan hệ hiện tại.

b. Nội dung: GV giới thiệu ý nghĩa và nội dung của chủ đề.

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV cho cả lớp hát “Vui đến trường” sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung.
- GV hỏi đáp nhanh cảm xúc của HS về bài hát, về ý nghĩa của tình bạn, tình thầy trò với cuộc sống mỗi người.
- GV cho HS quan sát tranh chủ đề, mô tả cảm xúc của các bạn trong tranh, chia sẻ ý nghĩa của thông điệp ở tranh chủ đề và đọc phần định hướng nội dung trong SGK.
- GV giới thiệu vào chủ đề: Các mối quan hệ xã hội đều có ý nghĩa đối với sự trưởng thành của mỗi cá nhân. Các mối quan hệ không tự nhiên sinh ra mà được xây dựng từ những điều nhỏ nhất, giản dị nhất và được bồi đắp hàng giờ, hàng ngày, hàng tháng, hàng năm. Ở trường, các mối quan hệ thầy trò, bạn bè là điểm tựa quan trọng của mỗi học sinh. Để biết cách xây dựng tình bạn tình thầy trò, chúng ta tìm hiểu chủ đề 3: Xây dựng tình bạn, tình thầy trò.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khám phá cách thiết lập và mở rộng quan hệ bạn bè

a. Mục tiêu: giúp HS ý thức được tầm quan trọng của việc chủ động tạo dựng và mở rộng mối quan hệ bạn bè, biết lên kế hoạch cụ thể để cải thiện và mở rộng mối quan hệ bạn bè hiện có.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu những cách làm quen với bạn mới
- HS chia sẻ những lần làm quen với bạn bè.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổ chức trò chơi: “Biệt danh của tôi “ thành 4 nhóm. GV phổ biến luật chơi: GV có 1 bông hoa. Hoa chuyển đến ai người đó sẽ mỉm cười và giới thiệu bản thân bằng một tính từ bắt đầu bằng chữ cái đầu trong tên của mình; giới thiệu sở thích, sở trường,...</p> <p>Ví dụ: Bạn Lan nói “Chào các bạn, mình là Lan “lung linh” Mình thích đọc truyện tranh và chơi cờ vua rất giỏi. Mình rất vui được làm quen với bạn”. Sau đó, Lan chuyển hoa đến bạn mà mình muốn làm quen. Bạn nhận được nếu là Thanh sẽ mỉm cười và nói: Chào Lan “lung linh; mình là Thanh “thành thật Mình thích đi biển và rất giỏi nhớ lời các đoạn quảng cáo. Mình rất vui được làm quen với bạn. Nói xong, Thanh tiếp tục chuyển hoa đến bạn khác.</p> <p>- GV hỏi đáp nhanh: <i>Khi muốn làm quen với bạn, em cần phải làm gì?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc cách làm quen bạn mới của M. ở ý 1, nhiệm vụ I, trang 25 SGK,</p> <p>- GV mời một vài HS chia sẻ cách làm quen của mình với các bạn khi vào trường THCS.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>+ GV giới thiệu một số cách làm quen khác và yêu cầu HS thực hành theo nhóm 4 — 5 HS</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	<p>I. Khám phá cách thiết lập và mở rộng quan hệ bạn bè</p> <p>- Một số cách làm quen và mở rộng quan hệ bạn bè :</p> <ul style="list-style-type: none">+ Chủ động giới thiệu bản thân mình và hỏi tên bạn.+ Khen một món đồ của bạn.+ Khẳng định thông bạn quen và hình như đã gặp ở đâu đó.+ Rủ bạn cùng tham gia một trò chơi hoặc một môn thể thao.+ Hỏi bạn về một bộ phim nổi tiếng gần đây.+ Tìm hiểu sở thích và cùng nhau thực hiện.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách thiết lập mối quan hệ với thầy cô.

a. Mục tiêu: giúp HS xác định được thời điểm, hình thức thích hợp để giao tiếp với thầy cô, bước đầu chủ động xây dựng mối quan hệ với thầy cô.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu hình thức và cách thức giao tiếp với thầy cô
- Thể hiện lại những trải nghiệm của HS khi giao tiếp với thầy cô.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK: Nhiều lúc H. rất muốn hỏi thầy cô về bài vở và một số việc của lớp nhưng sợ làm phiền thầy cô nên không hỏi nữa, M khuyên nên mạnh dạn, thử các hình thức giao tiếp sau: + Giao tiếp trực tiếp với thầy cô lúc tan học, giờ ra chơi, gọi điện hoặc nhắn tin với thầy cô để trao đổi điều mình cần. + Cách giao tiếp: chào hỏi lễ phép, giới thiệu bản thân và nói rõ ràng, cụ thể điều mình cần. - GV hỏi: Khi có việc cần gặp thầy cô em thường gặp vào lúc nào? Trao đổi trực tiếp hay gián tiếp? - GV thực hiện ví dụ mẫu về gọi điện thoại cho thầy cô: “Em chào cô ạ. Em gọi vào giờ này có phiền cô không ạ? Thưa cô, em là A. học sinh lớp 6B, Em có phần chưa hiểu về bài học sáng nay, Em có thể gọi điện hỏi cô lúc nào thì phù hợp ạ?” - GV trao đổi với HS về phần giao tiếp mẫu, chỉ ra hình thức, nội dung, thời điểm và thái độ khi giao tiếp mà GV vừa thực hiện. - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi. Mỗi bạn nghĩ ra nội dung mình muốn hỏi, lựa chọn thời điểm và hình thức giao tiếp. Sau đó, thực hành giao tiếp mỗi người 2 lượt: một lượt nói và một lượt nghe. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài. 	<p>II. Tìm hiểu cách thiết lập mối quan hệ với thầy cô.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức trao đổi với thầy cô: + Gặp trực tiếp + Gọi điện + Nhắn tin + Gửi thư điện tử - Cách thức giao tiếp : chào hỏi lễ phép, giới thiệu bản thân và nói rõ ràng, cụ thể điều mình cần - Thời điểm: đầu giờ, giờ tan học, giờ nghỉ trưa, buổi tối,... - HS thực hành giao tiếp với thầy cô theo mẫu.

Hoạt động 3: Tìm hiểu các bước giải quyết vấn đề trong mối quan hệ bạn bè

a. Mục tiêu: HS bình tĩnh, bước đầu biết cách phát hiện vấn đề cá nhân gặp phải trong mối quan hệ bạn bè và tìm cách giải quyết.

b. Nội dung:

- HS chỉ ra các bước giải quyết vấn đề
- Liên hệ trải nghiệm của HS.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS đọc các bước giải quyết vấn đề ở ý 1, nhiệm vụ 3 SGK trang 26 để biết cách giải quyết các tình huống.- GV gọi một số HS nói lại ví dụ mình họa từng bước trong SGK.- GV cho HS thảo luận theo 6 nhóm, yêu cầu lựa chọn một vấn đề của bạn trong nhóm, HS chia sẻ về cách giải quyết, phân tích các bước giải quyết vấn đề đã được vận dụng. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.+ HS ghi bài.	<p>III. Tìm hiểu các bước giải quyết vấn đề trong mối quan hệ bạn bè</p> <ul style="list-style-type: none">- Các bước giải quyết vấn đề trong mối quan hệ với bạn bè :+ Bước 1 : xác định vấn đề cần giải quyết+ Bước 2 : xác định nguyên nhân và hệ quả của vấn đề+ Bước 3 : Lựa chọn và thực hiện phương pháp cho vấn đề+ Bước 4 : Đánh giá hiệu quả phương pháp. <p>=> Trong thực tế, chúng ta thấy 4 bước này lướt qua rất nhanh nên thường không để ý. Việc luôn tư duy đầy đủ sẽ giúp chúng ta giải quyết vấn đề chắc chắn và đúng hướng.</p>

Ngày soạn: 05/11/ 2021
Tuần 10
Tiết 29

CHỦ ĐỀ 3: XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ (Tiết 2)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Giữ gìn quan hệ với bạn bè, thầy cô

a. Mục tiêu: giúp HS rèn luyện kỹ năng giữ gìn và phát triển mối quan hệ với bạn bè, thầy cô. Từ đó, thể hiện sự trân trọng tình cảm với bạn bè, thầy cô qua việc làm, hành động cụ thể.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi : Làm theo lời hát
- Khảo sát các cách giữ gìn mối quan hệ với bạn bè, thầy cô.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: “Làm theo lời bài hát”**

- GV phổ biến luật chơi: HS hát và làm theo lời bài hát: “Cầm tay nhau đi, xem ai có giận hờn gì. Cầm tay nhau đi, xem ai có giận hờn chi. Minh là anh em, có chi đâu mà giận hờn. Cầm tay nhau đi hãy cầm cái tay nhau đi”.

- GV lần lượt thay thế động từ *cầm tay* bằng các hành động khác như: hỏi han, khoác vai,...

- GV hỏi HS về thông điệp của trò chơi: *Khuyến chúng ta tươi cười, gần gũi, quan tâm đến nhau để mối quan hệ luôn thoải mái, vui vẻ và bền lâu.*

*** Nhiệm vụ 2: Khảo sát các cách giữ gìn mối quan hệ với bạn bè, thầy cô**

- GV yêu cầu HS mở SBT; xem lại nhiệm vụ 4 đã thực hiện ở nhà. GV cho HS bổ sung thêm những cách giữ gìn mối quan hệ với bạn bè, thầy cô của mình.

- GV tổ chức cho HS thực hành một số cách để giữ gìn mối quan hệ với bạn bè, thầy cô.

Ví dụ:

Hành vi cần rèn luyện	Cách tổ chức
Tươi cười chan hoà với mọi người.	GV yêu cầu từng cặp quay nhìn nhau, cười thân thiện nói lời chào, hỏi thăm; sau đó đổi cặp và lại tươi cười chào hỏi.
Bênh vực và bảo vệ bạn khi bạn bị bắt nạt.	GV đưa tình huống: bạn N. bị M. bắt phải mang truyện đến lớp cho M. mượn, nếu không sẽ bị đánh. Nếu biết chuyện, em sẽ làm gì để bênh vực lẽ phải? GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 3 HS và sắm vai xử lý tình huống (1 bạn là M. 1 bạn là N. và 1 bạn là em).

Hoạt động 2: Phát triển kỹ năng tạo thiện cảm trong giao tiếp

a. Mục tiêu: giúp HS rèn kỹ năng thiện cảm với người giao tiếp qua việc sử dụng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, khơi gợi ý tưởng cho nội dung giao tiếp phát triển. Qua đó, giúp HS hình thành kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi và kỹ năng phát triển câu chuyện trong giao tiếp.

b. Nội dung:

- Lưu ý về kỹ năng lắng nghe, phản hồi và đặt câu hỏi gợi mở
- Thực hành kỹ năng lắng nghe, phản hồi và đặt câu hỏi gợi mở
- Thảo luận về kỹ năng nghe

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc tạo thiện cảm trong quá trình giao tiếp với thầy cô và bạn bè. Bên cạnh sự chân thành, cần một số kĩ năng thể hiện tình cảm với người đối diện khi giao tiếp.
- GV gọi lần lượt 3 HS đọc các mục 1, 2, 3 trong nhiệm vụ 5, trang 27, 28 SGK.
- GV tạo các nhóm 3 HS, yêu cầu HS đứng về nhóm, phân rõ số 1, 2, 3 cho từng HS trong nhóm,
- Hoạt động này được thực hiện theo 3 lượt với các vai trò được thay đổi như sau:

	Lượt 1	Lượt 2	Lượt 3
Phân vai	- Số 1 là người nghe - Số 2 là người kể chuyện - Số 3 là người quan sát	- Số 1 là người quan sát - Số 2 là người nghe - Số 3 là người kể chuyện	- Số 1 là người kể chuyện - Số 2 là người quan sát - Số 3 là người nghe
Người kể chuyện	Kể về một niềm vui, một kỉ niệm đáng nhớ	Kể về nỗi sợ hãi của bản thân	Kể về kế hoạch nghỉ hè, nghỉ tết
Người nghe	Người nghe thể hiện sự không chú tâm, lơ đãng, làm việc riêng, không để ý đến câu chuyện của người nói	Người nghe thể hiện nghe nhưng cứ nghe được một câu thì đã đưa ra lời khuyên hoặc phủ nhận ý kiến của người nói, can thiệp quá nhiều vào quá trình người nói trình bày	Người nghe thể hiện lắng nghe chuẩn mực; ánh mắt chú tâm vào người nói, gương mặt biểu cảm theo người nói, gật đầu đồng ý; thỉnh thoảng hỏi thêm hoặc nói câu cảm thán thể hiện sự đồng cảm thấu hiểu.
Người quan sát	Quan sát thái độ người nghe và người nói. Đưa ra suy nghĩ của bản thân khi thấy hai bạn nói chuyện	Quan sát thái độ người nghe và người nói. Đưa ra suy nghĩ của bản thân khi thấy hai bạn nói chuyện	Quan sát thái độ người nghe và người nói. Đưa ra suy nghĩ của bản thân khi thấy hai bạn nói chuyện
Thời gian	2 phút	2 phút	2 phút

- GV trao đổi với HS về từng lượt sắm vai với 2 câu hỏi:
 - Người nói chuyện cảm thấy thế nào khi người nghe như vậy?
 - Người quan sát khi hai bạn nói chuyện với nhau như vậy có suy nghĩ gì?
- GV gọi một số HS ở các nhóm phát biểu.
- GV nhấn mạnh: *việc người nghe lắng nghe tốt đã tạo sự thiện cảm trong giao tiếp, người nói có ấn tượng tốt về người nghe này. Điều đó góp phần tạo quan hệ tốt đẹp.*

Ngày soạn: 12/11/ 2021

Tuần 11

Tiết 32

CHỦ ĐỀ 3: XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ (Tiết 3)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Phát triển kỹ năng tạo thiện cảm trong giao tiếp a. Mục tiêu: giúp HS nhận ra các vấn đề tiêu cực HS đang phải đối mặt ở độ tuổi học đường, HS được chia sẻ để giải tỏa những khúc mắc và biết xử lý một số tình huống điển hình trong môi trường lớp học

b. Nội dung:

- Xác định vấn đề học sinh lớp 6 thường gặp phải
- Quan sát tranh và dự đoán

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Xác định vấn đề học sinh lớp 6 thường gặp phải**

- GV yêu cầu HS đọc SGK, chọn ra những vấn đề bản thân HS gặp phải.
- GV hỏi vấn đáp, HS giơ tay, ví dụ:

- Bạn nào tự thấy mình hay đùa dai thì giơ tay!
- Bạn nào thấy mình hay thất hứa với bạn?
- Bạn nào dễ nổi cáu với mọi người?

- GV đặt câu hỏi: *Em còn gặp vấn đề nào ngoài những vấn đề nêu trong sách? Hãy kể ít nhất 3 vấn đề?*

- Hs kể một số vấn đề thường gặp. HS khác bổ sung.
- GV chốt kiến thức.

*** Nhiệm vụ 2: Giải quyết vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè**

- GV mời một số HS nhắc lại ngắn gọn 4 bước giải quyết vấn đề.
- GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS thảo luận giải quyết 3 tình huống ở nhiệm vụ 7 trong 5 phút. Giao nhiệm vụ như sau:

- Nhóm 1, 2 giải quyết tình huống 1; (Cách thể hiện là thuyết trình, có thể sử dụng sơ đồ, hình vẽ,...) Bạn N là người rất vui tính, bạn N thường trêu một bạn nào đó để làm trò cười cho các bạn và em thường cười theo. Một lần, N trêu em và cả lớp cười ồ lên. Em không thích mình bị trêu chọc như vậy. Em nên làm gì trong tình huống này?
- Nhóm 3, 4 giải quyết tình huống 2 (Cách thể hiện là thuyết trình, có thể sử dụng sơ đồ, hình vẽ,...) Lớp em có một bạn nam thường xuyên ngồi một mình trong giờ ra chơi. Theo em, bạn nam này có cần sự quan tâm, chia sẻ của thầy cô, bạn bè và người thân không? Em sẽ giúp bạn ấy hòa nhập với tập thể lớp như thế nào?
- Nhóm 5, 6 giải quyết tình huống 3 (Cách thể hiện là sắm vai thể hiện tình huống và cách giải quyết) Một bạn nữ trong lớp nói lại với em rằng bạn M. nói những điều chưa đúng về em. Nghe tin như vậy em có cảm xúc như thế nào và em sẽ ứng xử ra sao? Hãy chia sẻ cách giải quyết của em?

- GV quan sát các nhóm và mời đại diện chia sẻ cách nhóm mình xử lý tình huống.

+ Tình huống 1:

- Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết: Em bị bạn N trêu chọc và làm trò cười cho các bạn khác
- Bước 2: Nguyên nhân và hệ quả của vấn đề: Bạn N thường trêu trong một bạn nào đó và làm cho mọi người cười. Dẫn đến, em và các bạn trong lớp đều bị trêu chọc
- Bước 3: Lựa chọn và thực hiện phương pháp giải quyết vấn đề: Nói rõ với bạn N rằng mình không thích điều đó. Không hòa với N để trêu các bạn khác. Nói với các bạn trong lớp không nên cười khi N trêu chọc ai đó
- Bước 4: Đánh giá hiệu quả của biện pháp: em và các bạn không còn cười khi bạn N trêu chọc người khác. Bạn N bỏ thói vui trêu đùa người khác.

+ Tình huống 2:

- Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết: bạn A chưa hòa nhập được với các bạn trong lớp.
- Bước 2: Nguyên nhân và hệ quả của vấn đề: có thể bạn ngại giao tiếp hoặc bạn đang có chuyện buồn. Nếu kéo dài bạn sẽ không biết chia sẻ cùng ai, không tìm được sự đồng cảm hay niềm vui với bạn bè.
- Bước 3: Lựa chọn và thực hiện phương pháp giải quyết vấn đề: Chủ động bắt chuyện với bạn, nói về cuốn truyện đang được yêu thích, bộ phim hay hoặc những điều thú vị khác; chú ý đồ dùng của bạn và khen khi thấy đẹp; dần dần hỏi thăm về gia đình và tâm sự với bạn nhiều hơn. Nhờ cô giáo giao việc để bạn tiếp xúc nhiều hơn với các bạn trong lớp; cùng các bạn trong lớp hỏi bài hoặc nhờ bạn hướng dẫn một hoạt động nào đó để bạn A. Tham gia giao tiếp nhiều hơn với các bạn.
- Bước 4: Đánh giá hiệu quả của biện pháp: em đã nói chuyện với bạn A, bạn A đã chơi cùng các bạn.

+ Tình huống 3:

- Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết: M. nói những điều chưa đúng về em, em buồn khi nghe được điều đó.
- Bước 2: Nguyên nhân và hệ quả của vấn đề: Một bạn truyền tin cho em (bản thân em chưa được chứng kiến, thông tin này cần được kiểm chứng). Em lo lắng vì có người làm xấu hình ảnh của mình. Em và M. sẽ dần xa lánh nhau, đánh mất tình bạn,
- Bước 3: Lựa chọn và thực hiện phương pháp giải quyết vấn đề: Hỏi lại bạn truyền tin xem bạn M. nói những gì về em để kiểm chứng đó là “nói xấu” và xem những điều M. nói là đúng hay chưa đúng. Gặp trực tiếp bạn M, để nói chuyện thẳng thắn, hỏi bạn về những điều bạn chưa hài lòng ở em, Cả hai nói chuyện cho rõ ràng, vì rất có thể M. chưa hiểu rõ em, nhìn nhận ở góc độ khác. Dù kết quả buổi nói chuyện ra sao, em cũng thể hiện rõ thiện cảm và sự mong muốn M. sẽ góp ý trực tiếp với em, không nói qua người khác.
- Bước 4: Đánh giá hiệu quả của biện pháp: Em và M. đã hiểu nhau hơn. Em đã hết buồn và cảm thấy thoải mái hơn.

- GV nhận xét hoạt động.

- GV chia lớp thành nhóm 4 HS, yêu cầu HS quan sát tranh ở ý 2, nhiệm vụ 7, trang 29 SGK và dự đoán những vấn đề có thể xảy ra, đề xuất cách giải quyết những vấn đề đó.

- GV mời một số HS trong các nhóm trình bày trước lớp.

- GV nhận xét và tổng kết về các dự đoán có thể xảy ra và cách giải quyết theo 4 bước.

Hoạt động 2: Ứng xử đúng mực với thầy cô (nhiệm vụ 8)

a. Mục tiêu: giúp HS ứng xử (bằng lời nói, hành động, thái độ) đúng mực với thầy cô trong những tình huống điển hình.

b. Nội dung:

- Chia sẻ kỉ niệm về cách ứng xử với thầy cô

- Thực hành cách ứng xử với thầy cô.

- Xử lí tình huống xảy ra trong thực tế.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp về những hành vi, lời nói mà mình ứng xử chưa đúng mực với thầy cô và bài học mà mình tự rút ra cho bản thân.

- Hs chia sẻ. GV nhận xét và kết luận.

- GV yêu cầu HS đọc ý 1 nhiệm vụ 8, SGK/30, sau đó cho HS thảo luận theo cặp, lựa chọn phương án xử lí được nêu trong sách và lí do lựa chọn. Thời gian làm việc: 3 phút. Hết thời gian, các nhóm ghi số thứ tự phương án lựa chọn vào bảng phụ.

- GV hỏi HS về lựa chọn cách ứng xử. HS giơ bảng phụ.

Trong giờ học, khi thầy cô gọi em trả lời câu hỏi liên quan đến bài học mà em không biết trả lời em, em lựa chọn các ứng xử nào dưới đây? Vì sao?

- + *Bạn nào lựa chọn cách ứng xử số 1 : Đứng im, cúi mặt và không nói gì?*
- + *Bạn nào lựa chọn cách số 2: cố gắng nói điều mình biết nhưng không liên qua đến câu hỏi?*
- + *Bạn nào lựa chọn cách số 3: nói lời xin lỗi thầy cô vì chưa học bài hoặc chưa chú ý nghe giảng?*
- + *Bạn nào lựa chọn cách số 4: nói với thầy cô mình chưa hiểu rõ câu hỏi và nhờ thầy cô giải thích lại?*
- GV hỏi lí do HS lựa chọn khi HS giờ phương án:
- + Hành vi ứng xử số 1: Đây là cách ứng xử không nên vì sẽ làm mất thời gian của tiết học do sự im lặng của em, gây sự chú ý không tốt của mọi người và làm không khí lớp học trở nên căng thẳng.
- + Hành vi số 2: đây là cách ứng xử không nên vì làm mất thời gian của thầy cô và các bạn.
- + Hành vi số 3: đây là cách ứng xử hợp lí vì không làm mất thời gian của tiết học, lại giúp thầy cô biết em đang cần bổ sung phần kiến thức nào.
- + Hành vi số 4: đây là cách ứng xử không nên vì nếu thật sự không biết câu trả lời em sẽ làm mất thời gian và công sức của thầy cô.
- GV nhận xét và hướng dẫn HS cách ứng xử phù hợp.
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu 2,3 ở nhiệm vụ 8 và thảo luận để sắm vai xử lí tình huống với phần phản ứng tiêu cực của HS.
- + Tình huống 2: HS đứng lên chối quanh, nói rằng mình không quên sách vở.
- + Tình huống 3: HS đứng phát dậy phản ứng cho rằng thầy cô trù dập, có định kiến.
- Sau mỗi tiểu phẩm, GV trao đổi với HS về cách ứng xử của bạn sắm vai HS, hỏi HS trong lớp về cách ứng xử nên làm trong tình huống này.
- HS trả lời:
- + Tình huống 1: Nhận lỗi và hứa sẽ soạn sách vở kĩ trước khi đi học.
- + Tình huống 2: Chờ thầy cô nói xong, đứng lên xin phép được trình bày rõ để thầy cô hiểu.
- GV nhận xét và hướng dẫn HS cách ứng xử đúng mực trong các tình huống trên.

Ngày soạn: 18/11/ 2021

Tuần 12

Tiết 35

CHỦ ĐỀ 3: XÂY DỰNG TÌNH BẠN, TÌNH THẦY TRÒ (Tiết 4)

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Chia sẻ danh ngôn về tình bạn, tình thầy trò và xây dựng sổ tay giao tiếp của lớp

a. Mục tiêu: giúp HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học được trong chủ đề để làm sản phẩm và sử dụng sản phẩm để chia sẻ thông điệp về ý nghĩa việc giữ gìn và nuôi dưỡng tình bạn, tình thầy trò. Thông qua đó, GV và HS trong lớp có thể đánh giá sự thay đổi, cố gắng của từng HS trong chủ đề.

b. Nội dung:

- Giới thiệu và trưng bày Bông hoa danh ngôn
- Xây dựng sổ tay giao tiếp của lớp

c. Sản phẩm: sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Giới thiệu và trưng bày Bông hoa danh ngôn**

- GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu lần lượt từng HS trong nhóm chia sẻ các câu danh ngôn tâm đắc nhất về tình bạn, tình thầy trò đã sưu tầm được và lí do mà HS tâm đắc câu danh ngôn đó.

- GV mời đại diện các nhóm giới thiệu trước lớp về các câu danh ngôn của nhóm.

- Các nhóm khác chú ý lắng nghe, bổ sung những danh ngôn mà nhóm trước chưa trình bày.

" Nếu người kỹ sư vui mừng nhìn thấy cây cầu mà mình vừa mới xây xong, người nông dân mỉm cười nhìn đồng lúa mình vừa mới trồng, thì người giáo viên vui sướng khi nhìn thấy học sinh đang trưởng thành, lớn lên."

" Nhà giáo không phải là người nhồi nhét kiến thức mà đó là công việc của người khơi dậy ngọn lửa cho tâm hồn."

" Ước mơ bắt đầu với một người thầy tin ở bạn, người thầy ấy lôi kéo, xô đẩy bạn đến một vùng cao khác, và đôi khi thúc bạn là một cây gậy nhọn là "sự thực"."

- GV yêu cầu mỗi HS viết câu danh ngôn vào bông hoa tự làm (bông hoa đã được chuẩn bị trước ở nhà) và chia sẻ với các bạn

*** Nhiệm vụ 2: Xây dựng sổ tay giao tiếp của lớp**

- GV mời một vài HS đọc trước lớp một hoặc một số câu nói ẩn tượng của bản thân hoặc của bạn mà mình đã ghi nhớ được trong thời gian qua. HS trong lớp đoán đó là câu nói của ai.

- GV dặn dò HS giữ gìn những trang giấy đã ghi để cuối năm tập hợp lại làm cuốn sổ tay giao tiếp của lớp. Đây là cuốn sổ tay mở vì sẽ được bổ sung thường xuyên vào cuối mỗi năm học. GV nhắc nhở HS cần tích cực quan sát thầy cô, các bạn trong lớp và gắn kết với mọi người để bổ sung được sổ tay giao tiếp.

Hoạt động 2: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua đánh giá của nhóm, từ đó HS biết hướng hoàn thiện và phát triển bản thân.

b. Nội dung:

- Viết 2 điều tốt đẹp mình mong muốn dành cho bạn
- Chia sẻ những điều bạn thích và mong ở mình

c. Sản phẩm: sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Viết 2 điều tốt đẹp mình mong muốn dành cho bạn**

- GV yêu cầu HS dán lên lưng bạn mình một tờ giấy A4, lần lượt viết lên tờ giấy ở lưng bạn 2 điều mình thích về cách ứng xử của bạn với bạn bè, thầy cô và 1 điều mình mong muốn bạn thay đổi trong cách ứng xử với bạn bè, thầy cô.

- GV có thể cho HS đứng thành vòng tròn để tất cả đều viết lên giấy A4 dính ở trên lưng nhau, sau đó cho di chuyển tự do trong lớp để xin những lời chia sẻ của các bạn trong thời gian 5 phút.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ về những điều bạn thích và mong ở mình**

- GV yêu cầu HS gỡ tờ giấy ở sau lưng và di chuyển về chỗ ngồi theo tổ của mình để chia sẻ với các bạn trong tổ về những điều các bạn thích và mong ở mình,
- GV mời một số HS chia sẻ những điều bạn thích và mong ở mình trước cả lớp và cảm xúc của HS khi nhận được những lời chia sẻ của các bạn trong lớp.
- GV khích lệ HS nhận xét và nhìn nhận vào những điểm tốt đẹp ở bạn bè.

Hoạt động 3: Khảo sát cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá được bản thân sau khi học chủ đề.

b. Nội dung:

- HS chia sẻ thuận lợi và khó khăn khi học chủ đề này.
- Tổng kết số liệu khảo sát.

c. Sản phẩm: sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS mở ý 1, nhiệm vụ 11, trang 31 SGK chia sẻ về thuận lợi và khó khăn khi trải nghiệm với chủ đề này.
- Với ý 2, nhiệm vụ 11, sau khi HS xác định mức độ, GV yêu cầu HS tự cho điểm từng nội dung đánh giá theo mức độ như bảng dưới đây. Sau đó, GV thống kê và ghi chép lại số liệu.

Tự đánh giá	Đúng	Phân vân	Không đúng
Em đã chủ động tiếp xúc với thầy cô, các bạn trong lớp, trong trường.	3	2	1
Em biết cách để xây dựng và giữ gìn quan hệ với thầy cô, bạn bè.	3	2	1
Em biết cách lắng nghe và duy trì cuộc nói chuyện.	3	2	1
Em có thể nhận diện một số vấn đề nảy sinh trong các mối quan hệ ở trường.	3	2	1
Em biết cách giải quyết vấn đề trong mối quan hệ với bạn bè.	3	2	1
Tổng			

- GV nhận xét kết quả dựa trên số liệu tổng hợp được.
- + Đạt từ 13 — 15 điểm: Em chủ động xây dựng và giữ gìn tình bạn, tình thầy trò tốt.
- + Đạt từ 9 - 12 điểm: Em đã xây dựng và giữ gìn tình bạn, tình thầy trò tốt.
- + Dưới 9 điểm: Em cần cố gắng hơn trong xây dựng và giữ gìn tình bạn, tình thầy trò tốt.

V. HOẠT ĐỘNG NÓI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kỹ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kỹ năng đã học từ chủ đề
- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS chia sẻ những kỹ năng cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện.
- GV yêu cầu HS mở chủ đề 4 SGK, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.
- GV giao bài tập của chủ đề 4 để HS thực hiện vào vở.
- GV rà soát những nội dung cần chuẩn bị cho giờ hoạt động trải nghiệm của chủ đề

tiếp theo và yêu cầu HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none">- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Tạo cơ hội thực hành cho người học	<ul style="list-style-type: none">- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học- Hấp dẫn, sinh động- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học- Phù hợp với mục tiêu, nội dung	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập- Trao đổi, thảo luận	

VII. HỒ SƠ DẠY HỌC *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

.....

Ngày soạn: 03/12/ 2021

Tuần 13

Tiết 38

CHỦ ĐỀ 4: NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể.
- Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình.
- Tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

- + Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể.
- + Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình.
- + Tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Dặn HS đọc trước SGK và thực hiện nội dung từ đầu đến hết nhiệm vụ 2 (nếu có SBT thì làm trong SBT).

- Bài hát/ nhạc về chủ đề gia đình.

- Bông hoa.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập

- Lập sơ đồ gia đình bên nội, bên ngoại của mình; ảnh gia đình của mình.

- Trao đổi với bố mẹ để biết được những khó khăn gia đình đã gặp.

- Vẽ và trưng bày tranh về gia đình mơ ước (nhiệm vụ 8);

- Thẻ màu.

- Làm các việc quan tâm đến sở thích người thân (nhiệm vụ 5).

- Chọn và thực hiện 2 - 3 tạo không khí gia đình vui vẻ (nhiệm vụ 7).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học, hiểu được vai trò, ý nghĩa của việc nuôi dưỡng quan hệ gia đình và chỉ rõ được những việc làm trong chủ đề này.

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho cả lớp hát bài quen thuộc về gia đình: “Gia đình nhỏ, hạnh phúc to” sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung.

- GV hỏi đáp nhanh về cảm xúc của HS, về thông điệp của bài hát và ý nghĩa của gia đình đối với HS.

- GV cho HS quan sát tranh chủ đề, mô tả không khí gia đình trong bức tranh (Từng thành viên đang làm gì? Em có thích hình ảnh gia đình này không? Vì sao?).

- GV giới thiệu ý nghĩa và vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân: Gia đình là tổ ấm mang lại các giá trị hạnh phúc. Là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc những công dân tốt cho xã hội. Sự hạnh phúc gia đình là tiền đề để hình thành nên nhân cách tốt cho những công dân của xã hội. Vì vậy muốn xây dựng xã hội thì phải chú trọng xây dựng gia đình. Để biết cách xây dựng và nuôi dưỡng mối quan hệ của các thành viên trong gia đình, chúng ta tìm hiểu **chủ đề 4: Nuôi dưỡng quan hệ gia đình.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu gia đình em

a. Mục tiêu: HS giới thiệu gia đình bên nội, bên ngoài của mình và chia sẻ ý nghĩa của mình đối với bản thân.

b. Nội dung:

- Giới thiệu gia đình bên nội, bên ngoài của mình

- Kể về một số hoạt động trong gia đình bên nội, bên ngoài của em và ý nghĩa của gia đình với em

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Giới thiệu gia đình bên nội, bên ngoài của mình</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV chia lớp thành nhóm 6 HS, lần lượt từng HS trong nhóm giới thiệu về gia đình bên nội, bên ngoài theo sơ đồ mình đã chuẩn bị hoặc ảnh gia đình.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Kể về một số hoạt động trong gia đình bên nội, bên ngoài của em và ý nghĩa của gia đình đối với em</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu lần lượt từng HS chia sẻ trong nhóm theo 2 vòng:</p> <ul style="list-style-type: none">• Vòng 1: Kể về một số hoạt động em tham gia cùng gia đình bên nội, bên ngoài của em.• Vòng 2: Chia sẻ ý nghĩa của gia đình đối với mình, <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Nhóm HS trình diễn trước lớp các tình huống đã thực hành.</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài</p>	<p>I. Giới thiệu gia đình em</p> <p>1. Giới thiệu gia đình bên nội, bên ngoài của mình</p> <p>- Gia đình bên nội của em gồm : ông bà nội, các bác, các anh chị, cô, chú,...</p> <p>- Gia đình bên ngoài gồm : ông bà ngoại, chú, dì, cậu, mợ, các em.</p> <p>=> Gia đình là nơi chứng kiến mỗi con người lớn lên, trưởng thành, chập chững từ những bước đi đầu đời đến lúc lớn khôn rồi đến khi về già, đó là nơi tạo nên những người con ưu tú cho xã hội. Vì vậy, tình cảm gia đình đóng vai trò vô cùng quan trọng, ý nghĩa đặc biệt to lớn đối với đời sống của mỗi cá nhân con người.</p> <p>2. Kể về một số hoạt động trong gia đình bên nội, bên ngoài của em và ý nghĩa của gia đình đối với em</p> <p>- Một số hoạt động gia đình bên nội, bên ngoài như: cuối tuần thường tổ chức dã ngoại, du lịch nghỉ dưỡng; cùng nhau dọn dẹp nhà cửa, cùng nhau đi mua sắm, cùng nhau chăm sóc vườn cây,...</p>

Hoạt động 2: Tìm hiểu các nuôi dưỡng các mối quan hệ trong gia đình

a. Mục tiêu: giúp HS khám phá những cách thức nuôi dưỡng mối quan hệ trong gia đình. Từ đó, giúp HS biết cách nuôi dưỡng các mối quan hệ trong gia đình mình.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những việc làm nuôi dưỡng quan hệ gia đình.
- Chia sẻ cảm xúc của em về nuôi dưỡng mỗi quan hệ gia đình

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Chia sẻ những việc làm nuôi dưỡng quan hệ gia đình. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận, đưa ra việc làm cụ thể về sự quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình theo 6 cách của ý 1, nhiệm vụ 2, trang 34 SGK. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Chia sẻ cảm xúc của em về nuôi dưỡng mỗi quan hệ gia đình Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 6 nhóm, 6 HS/ nhóm và yêu cầu lần lượt từng HS trong nhóm chia sẻ việc đáng nhớ nhất mình đã làm thể hiện sự quan tâm, nuôi dưỡng tình cảm với các thành viên trong đại gia đình bên nội, bên ngoại. Em ấn tượng cách của bạn nào nhất? - GV hỏi - đáp nhanh: <i>Khi được quan tâm, chăm sóc, các thành viên trong gia đình sẽ cảm thấy như thế nào? Bản thân em cảm thấy thế nào khi quan tâm, chăm sóc các thành viên trong gia đình?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p>	<p>II. Tìm hiểu các nuôi dưỡng các mối quan hệ trong gia đình 1. Chia sẻ những việc làm nuôi dưỡng quan hệ gia đình. - Thường xuyên quan tâm hỏi thăm nhau về cuộc sống và công việc VD: Bố hay hỏi em về tình hình học tập ở trường; Em hỏi thăm sức khỏe ông bà,.... - Chăm sóc người thân những lúc mệt mỏi đau ốm VD: Mẹ nấu cháo cho bà; Em pha nước hoa quả cho mẹ,.... - Dành nhiều thời gian quây quần bên nhau VD: Cả nhà cùng tập thể dục, cả nhà cùng về thăm ông bà,.... - Chia sẻ và hỗ trợ nhau trong các công việc gia đình VD: Em chăm sóc vườn rau cho bà, bố giặt quần áo cho cả nhà,.... - Hỗ trợ nhau về vật chất, tinh thần VD: Bố mẹ biếu ông bà tiền tiêu vật hàng tháng, em động viên em gái khi em ấy buồn,.... - Duy trì bữa cơm gia đình thường xuyên VD: Em cùng mẹ nấu cơm và nấu món bổ thích; cả nhà cùng dọn cơm và ngồi ăn vui vẻ,....</p> <p>2. Chia sẻ cảm xúc của em về nuôi dưỡng mỗi quan hệ gia đình - Khi được quan tâm, chăm sóc, các thành viên trong gia đình sẽ cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc và có thêm động lực để vượt qua khó khăn,.... - Bản thân em cảm thấy vui vẻ, thoải mái và thấy mình có ích khi biết quan tâm, chăm sóc các thành viên trong gia đình.</p>

Ngày soạn: 09/12/ 2021

Tuần 14

Tiết 41

CHỦ ĐỀ 4: NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH (tiết 2)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Thực hiện những việc làm chăm sóc gia đình thường xuyên

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS rèn luyện kỹ năng chăm sóc gia đình thường xuyên bằng những việc làm cụ thể.

b. Nội dung:

- HS hãy nói lời yêu thương với người thân
- Thực hành một số việc làm chăm sóc gia đình thường xuyên.
- Chia sẻ về sự cải thiện mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Nói lời yêu thương với người thân**

- GV tổ chức cho cả lớp cùng hát một bài hát về gia đình, vừa hát vừa chuyền tay nhau một bông hoa. Khi GV hô lệnh "Dừng", bông hoa ở trên tay ai, người đó sẽ nói một lời yêu thương mình muốn dành cho người thân.

- GV hỏi HS về thói quen nói lời yêu thương với các thành viên trong gia đình.

- HS thực hành. Hs khác bổ sung

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành một số việc làm chăm sóc gia đình thường xuyên**

- GV chia lớp thành các nhóm, 6 nhóm 6 HS thực hành theo các việc làm dưới đây:

+ Hỏi thăm khi bố mẹ đi làm về.

+ Kể chuyện học tập ở trường cho bố mẹ nghe.

+ Chia sẻ niềm vui/ nỗi buồn của mình cho bố mẹ biết.

+ Chăm sóc, hỏi chuyện khi ông bà bị ốm.

GV yêu cầu HS đổi vai ở mỗi tình huống và bổ sung thêm các tình huống thực tế khác để HS được tăng cường thực hành.

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ về sự cải thiện mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình**

- GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm 6 HS, lần lượt từng HS chia sẻ những việc em thường làm để chăm sóc gia đình và tần suất (thường xuyên, hiếm khi) thực hiện những việc làm đó.

- GV phỏng vấn cả lớp:

+ Cảm xúc của mọi người trong gia đình khi em thể hiện sự quan tâm?

+ Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình đã thay đổi như thế nào?

- GV mời đại diện một số HS chia sẻ.

Hoạt động 2: Chia sẻ khó khăn cùng bố mẹ, người thân

a. Mục tiêu: giúp HS tìm hiểu và chia sẻ những khó khăn cùng bố mẹ, người thân, thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với gia đình.

b. Nội dung:

- Kể về những khó khăn có thể gặp trong gia đình

- Thực hành chia sẻ khó khăn cùng bố mẹ

- Chia sẻ những việc đã làm cùng bố mẹ hoặc người thân để vượt qua khó khăn.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Kể về những khó khăn có thể gặp trong gia đình**

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm trong 3 phút, 4 HS/ nhóm, lần lượt từng em kể với bạn về những khó khăn mà bố mẹ và người thân mình từng gặp phải ?

- GV hỏi đáp nhanh: *Những khó khăn mà các gia đình thường gặp là gì? Em đã làm gì để chia sẻ với bố mẹ?*

- GV nhận xét và tổng kết.

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành chia sẻ khó khăn cùng bố mẹ**

- GV yêu cầu HS đọc nội dung của nhiệm vụ 4 SGK/ 36, thảo luận theo cặp đôi khi gặp các tình huống khó khăn trong gia đình em sẽ chia sẻ với bố mẹ, người thân như thế nào?

+ **Tình huống 1:** Mẹ em bị ốm, hằng ngày bố vẫn phải đi làm, chị gái và em phân công nhau để chăm sóc mẹ. Em nói lời động viên mẹ như thế nào để mẹ vui hơn?

+ **Tình huống 2:** Bố em đi công tác xa hai tháng. Mẹ thường đi làm cả ngày, công việc cũng rất vất vả. Em làm gì để gia đình giữ được không khí ấm áp, bớt đi sự vắng bóng của bố trong gia đình?

+ **Tình huống 3:** Trận lũ lụt vừa qua, gia đình em bị cuốn trôi một số tài sản lớn. Bố mẹ em rất buồn vì mất mát này. Em làm/ nói gì trong tình huống này để thể hiện sự chia sẻ khó khăn cùng bố mẹ?

+ **Tình huống 4:** Do tác động của dịch Covid - 19 nên bố em tạm thời bị mất việc làm, công việc bán hàng của mẹ em cũng bị ảnh hưởng, gia đình thực sự gặp khó khăn. Em có thể làm gì trong tình huống này để giúp đỡ bố mẹ?

- HS thực hành chia sẻ khó khăn:

+ Khi trong gia đình có người bị ốm:

- Chăm sóc, vệ sinh cho người ốm
- Động viên, khích lệ, nói nhẹ nhàng, an ủi người ốm
- Giữ không gian yên tĩnh cho người ốm nghỉ ngơi

+ Khi gia đình có bố/ mẹ đi công tác xa:

- Em chăm lo, làm việc nhà
- Nhanh chóng hoàn thành bài tập để giúp đỡ việc nhà giúp bố mẹ
- Dành thời gian trò chuyện với mọi người để giữ được không khí ấm áp trong gia đình

+ Gia đình gặp biến cố: Luôn lạc quan và động viên người thân

+ Khi gia đình gặp khó khăn về kinh tế:

- Tham gia thực hiện công việc nhà cùng bố mẹ
- Sử dụng thời gian hợp lý để học tập và giúp đỡ gia đình

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ những việc đã làm cùng bố mẹ hoặc người thân để vượt qua khó khăn.**

- GV chia lớp thành các nhóm 4HS/ nhóm, yêu cầu HS chia sẻ với các bạn trong nhóm về những việc gia đình em đã làm cùng nhau để vượt qua khó khăn.

- GV mời một số HS lên chia sẻ.

Hoạt động 3: Quan tâm đến sở thích của người thân

a. Mục tiêu: giúp HS có kỹ năng tìm hiểu và thể hiện sự quan tâm đến sở thích của người thân trong gia đình và tôn trọng những sở thích riêng đó.

b. Nội dung:

- Nói về sở thích của các thành viên trong gia đình
- Thực hành các cách quan tâm đến sở thích của các thành viên trong gia đình
- Chia sẻ các tình huống quan tâm về sở thích của thành viên gia đình

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Nói về sở thích của các thành viên trong gia đình**

- GV sử dụng kỹ thuật phỏng vấn nhanh với HS theo từng câu hỏi, mỗi HS chỉ cần trả lời một sở thích cho mỗi câu hỏi.

- Bố mẹ em thích gì nhất?
- Ông, bà em thích gì nhất?
- Anh, chị, em,... thích gì nhất?

- GV khẳng định: *Việc biết các sở thích của các thành viên trong gia đình sẽ giúp chúng ta quan tâm, hiểu nhau hơn.*

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành các cách quan tâm đến sở thích của các thành viên trong gia đình**

- Dựa theo hướng dẫn của nhiệm vụ 5 trong SGK, GV tổ chức HS thảo luận theo nhóm (3 nhóm) với 3 yêu cầu sau:

- + *Nhóm 1*: Hãy đưa ra những việc làm, câu hỏi để tìm hiểu sở thích của người thân trong một chuyến đi tham quan, dã ngoại của gia đình
- + *Nhóm 2*: Hãy đưa ra những việc làm, câu hỏi để tìm hiểu sở thích, khẩu vị ăn uống của người thân.
- + *Nhóm 3*: Em đã biết được sở thích của các thành viên trong gia đình, hãy đưa ra câu hỏi và thực hiện sở thích đó với học.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.
- + *Nhóm 1: Hành động cụ thể*
 - Chú ý quan sát xem bố (mẹ, anh, chị,...) thể hiện sự thích thú với điều gì, hay nói câu cảm thán với những gì.
 - Hỏi bố, mẹ, người thân về chuyến đi. Ví dụ: Mẹ ơi, mẹ có thích những chuyến đi như thế này không? Mẹ thích đến nơi nào nhất?
- + *Nhóm 2: Hành động cụ thể*
 - Chú ý quan sát để nhận biết sở thích của từng người (Ông rất thích ăn canh nóng).
 - Hỏi người thân về sở thích ăn uống. Ví dụ: Mẹ ơi, mẹ thích ăn đồ luộc hay đồ xào? Bố ơi, bố thích ăn món thịt hay cá hơn? Bố có cần cho thêm ớt vào bát mắm không ạ?
- + *Nhóm 3: Hành động cụ thể:*
 - Bố ơi, sáng nay con chạy thể dục cùng bố nhé?
 - Mẹ ơi con mở bản nhạc mẹ thích hai mẹ con cùng nghe nhé!
- GV hỏi đáp nhanh: Cảm xúc của người thân như thế nào khi em quan tâm, tôn trọng sở thích của họ?
- GV nhận xét hoạt động.
- * ***Nhiệm vụ 3: Chia sẻ các tình huống quan tâm về sở thích của gia đình em***
- GV mời một HS lên làm người phỏng vấn. Phỏng vấn viên hỏi các bạn trong lớp: Bạn hãy nói một việc làm, trọt câu hỏi của bạn thể hiện sự quan tâm đến sở thích của các thành viên trong gia đình. Cảm xúc của người thân như thế nào khi bạn quan tâm, tôn trọng sở thích của họ?
- Các thành viên trong lớp trả lời khi được mời.
- GV tổng kết.

Ngày soạn: 16/12/ 2021

Tuần 15

Tiết 44

CHỦ ĐỀ 4: NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH (tiết 3)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động 1: Xác định vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình và cách giải quyết

a. Mục tiêu: giúp HS xác định những vấn đề có thể nảy sinh trong quan hệ gia đình, các cách HS có thể tham gia giải quyết một số vấn đề phù hợp, từ đó HS thể hiện trách nhiệm của mình với gia đình.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi: Đội nào biết nhiều bài hát về gia đình nhất
- Tìm hiểu những vấn đề nảy sinh trong gia đình em
- Thực hành quy trình giải quyết vấn đề

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Đội nào biết nhiều bài hát về gia đình nhất**

- GV chia lớp làm 2 đội, lần lượt từng đội nêu tên bài hát nói về gia đình, có thể là về bố mẹ, ông bà, anh chị em,...

- GV cho HS chơi khoảng 3 phút, đội nào nói được tên nhiều bài hát hơn sẽ chiến thắng.

- GV ghi nhận kết quả hoạt động của HS.

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu những vấn đề có thể nảy sinh trong gia đình em**

- GV trao đổi chung với cả lớp câu hỏi: Trong gia đình, đôi lúc có một số vấn đề nảy sinh ngoài ý muốn, đó thường là những vấn đề nào?

- GV mời một số HS trả lời, sau đó tiếp tục đặt câu hỏi: Kì có vấn đề nảy sinh ngoài ý muốn trong quan hệ gia đình, cảm xúc của em và các thành viên như thế nào?

- GV chốt: Không đi mong ước gia đình mình luôn có những vấn đề nảy sinh ngoài ý muốn. Tuy nhiên, đó không phải là điều đáng sợ, quan trọng hơn là chúng ta biết cách ứng xử, giải quyết vấn đề đó và luôn biết tự điều chỉnh, thay đổi bản thân để phù hợp với nhau hơn.

*** Nhiệm vụ 3: Thực hành quy trình giải quyết vấn đề**

- GV nhắc lại quy trình giải quyết vấn đề HS đã tìm hiểu ở nhiệm vụ 3, chủ đề 3.

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm từ 4 - 6 HS để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ 6 theo quy trình 4 bước.

- GV mời nhóm HS thảo luận và đưa ra cách giải quyết:

+ Tình huống 1:

- Bước 1: Xác định vấn đề trong quan hệ gia đình: sự thiếu quan tâm, ít khi hỏi han nhau
- Bước 2: Hậu quả có thể xảy ra: không khí gia đình thiếu ấm áp, các thành viên trong gia đình không hiểu nhau
- Bước 3: Cách giải quyết: họp gia đình để cả nhà cùng ý thức xây dựng , tạo hoạt động chung giữa mọi người
- Bước 4: Đánh giá hiệu quả của các biện pháp: mọi người trong gia đình bắt đầu hỏi han, nói chuyện với nhau.

+ Tình huống 2:

- Bước 1: Xác định vấn đề trong quan hệ gia đình: sự tranh luận của người lớn trong gia đình về vấn đề giáo dục con
- Bước 2: Hậu quả có thể xảy ra: bố mẹ giận dữ nhau, không lắng nghe nhau; con cái hoang mang ảnh hưởng đến việc học tập và không khí gia đình
- Bước 3: Cách giải quyết: bản thân con cái phải cố gắng để không trở thành tâm điểm tranh luận của bố mẹ, tự giác hoàn thành công việc. Đề nghị người lớn không tranh luận nữa.
- Bước 4: Đánh giá hiệu quả của các biện pháp: người lớn và con trẻ trong gia đình thảo luận để thống nhất cách giáo dục.

+ Tình huống 3:

- Bước 1: Xác định vấn đề trong quan hệ gia đình: Mâu thuẫn trong quan hệ giữa bố, mẹ vì những chuyện riêng
- Bước 2: Hậu quả có thể xảy ra: không khí nặng nề trong gia đình, con cái khó tập trung vào việc học tập.
- Bước 3: Cách giải quyết: quan tâm, hỏi thăm cả 2 bên, nói ra những mong muốn về một gia đình hạnh phúc.
- Bước 4: Đánh giá hiệu quả của các biện pháp: mâu thuẫn giữa bố mẹ bớt căng thẳng

+ Tình huống 4:

- Bước 1: Xác định vấn đề trong quan hệ gia đình: sự bất đồng về anh, chị, em trong nhà về ứng xử, làm việc nhà, sinh hoạt và học tập ở trường.
- Bước 2: Hậu quả có thể xảy ra: bố mẹ buồn, phiền lòng; anh em bất hòa; bản thân khó chịu
- Bước 3: Cách giải quyết: phân việc nhà rõ ràng hơn; sẵn sàng giúp đỡ anh chị em trong gia đình, khi nói chuyện biết kiềm chế cảm xúc,..
- Bước 4: Đánh giá hiệu quả của các biện pháp: anh chị em hoàn thuận, cùng nhau hoàn thành công việc nhà và học tập.

Hoạt động 2: Tạo bầu không khí gia đình vui vẻ

a. Mục tiêu: giúp HS thực hành tạo bầu không khí vui vẻ trong gia đình

b. Nội dung:

- HS tập nói hài hước
- Thực hành một số biện pháp tạo bầu không khí gia đình vui vẻ
- Chia sẻ cảm nhận

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tập nói hài hước**

- GV nói về ý nghĩa của cách nói hài hước trong cuộc sống, trong các mối quan hệ.
- GV đưa ra một số hiện tượng, tình huống trong cuộc sống hằng ngày, đề nghị HS tìm cách nói hài hước về hiện tượng, tình huống ấy.
- HS thể hiện các nói hài hước.

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành một số biện pháp tạo bầu không khí gia đình vui vẻ**

- GV chia lớp thành các nhóm gia đình với số lượng khác nhau:
 - Gia đình 1: 3 thành viên (bố, mẹ và con).
 - Gia đình 2: 4 thành viên (bố, mẹ và 2 con).
 - Gia đình 3: 6 thành viên (ông, bà, bố, mẹ và các con).
 - Gia đình 4: có HS và người thân (tùy theo hoàn cảnh của HS trong lớp).
- GV phân công mỗi nhóm một nhiệm vụ hoặc cho bốc thăm nhiệm vụ. Sau đó các nhóm gia đình sắm vai thực hiện. Một bạn sắm vai là HS lớp 6 và thực hiện yêu cầu của tình huống, các bạn còn lại sắm vai là các thành viên trong gia đình thể hiện sự lắng nghe, động viên và cổ vũ theo. Trong mỗi gia đình, lần lượt đổi vai nhau.
- GV cho các gia đình đổi nhiệm vụ để tất cả HS đều được rèn luyện.

Gia đình 1	Gia đình 2	Gia đình 3	Gia đình 4
<ul style="list-style-type: none"> • Em kể một câu chuyện vui vẻ, thú vị về bạn bè, thầy cô của mình để mọi người cùng vui. 	<ul style="list-style-type: none"> • Em khoe thành tích học tập, rèn luyện hoặc sự tiến bộ của bản thân để gia đình hiểu hơn về mình. 	<ul style="list-style-type: none"> • Em thể hiện sự đam mê hoặc một tài lẻ nào đó của mình cho cả nhà được biết. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cả nhà tranh cãi vấn đề vô bổ, em chủ động lái mọi người sang chủ đề tích cực hơn.

- GV mời một số nhóm HS trình diễn trước lớp. GV nhận xét.
- GV yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc của mình khi tạo bầu không khí vui vẻ.

Ngày soạn: 21/12/ 2021

Tuần 16

Tiết 47

CHỦ ĐỀ 4: NUÔI DƯỠNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Giới thiệu và trưng bày sản phẩm "Vẽ gia đình ước mơ của em"

a. Mục tiêu: HS thể hiện mong muốn về gia đình thông qua bức tranh và sử dụng những kỹ năng học được để vẽ và giới thiệu về gia đình ước mơ đó.

b. Nội dung:

- Triển lãm tranh "Gia đình mơ ước của em"
- Chia sẻ bức tranh "Gia đình mơ ước của em"

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Triển lãm tranh "Gia đình mơ ước của em"**

- GV tổ chức cho các nhóm trưng bày tranh lên các không gian phù hợp như tường của lớp, kệ tranh,...
- GV tổ chức cho HS tham quan triển lãm.
- GV yêu cầu HS khi xem tranh cần giữ trật tự, quan sát tranh và hãy chọn ra 3 bức tranh mình thích nhất để cùng nhau chia sẻ vào cuối hoạt động.
- GV yêu cầu HS đứng trước bức tranh của mình và hỏi: *Cảm nhận của em khi tham quan triển lãm? Tranh của các bạn như thế nào? Em thích bức tranh của bạn nào? Vì sao?*
- GV ghi nhận sự cố gắng của HS.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ bức tranh "Gia đình mơ ước của em"**

- GV cho HS tạo nhóm 4 HS với 4 bức tranh.
- GV yêu cầu từng thành viên của nhóm lần lượt chia sẻ trong nhóm về bức tranh của mình theo nội dung:
 - Em vẽ cảnh sinh hoạt gì trong gia đình mơ ước? Vì sao em mơ ước cảnh sinh hoạt này?
 - Mỗi thành viên đang làm gì để vun đắp gia đình vui vẻ, hạnh phúc?
 - Em sẽ làm tốt nhất việc gì để nuôi dưỡng quan hệ gia đình?
- GV quan sát HS các nhóm giới thiệu để biết được sự tự tin của các em và mong muốn của các em về gia đình.
- Sau khi các nhóm giới thiệu xong, GV mời một vài HS lên giới thiệu bức tranh của mình trước lớp.
- GV nhận xét về hoạt động, về gia đình ước mơ của HS.

Hoạt động 2: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: giúp HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua đánh giá của nhóm, từ đó HS biết được hướng hoàn thiện và rèn luyện thêm.

b. Nội dung: Chia sẻ với bạn, viết nhận xét

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận và chia sẻ trong nhóm:
 - Cách quan tâm đến gia đình mà bạn ấn tượng
 - Cách tạo bầu không khí vui vẻ cho gia đình của bạn mà mình thích.
 - Những điều mình mong đợi hơn ở bạn trong quá trình hoạt động.
- Lần lượt từng HS chia sẻ trong nhóm theo các nội dung được yêu cầu.
- GV có thể mời một số HS lên chia sẻ trước lớp những điều mình học được từ các bạn về sự quan tâm đến gia đình,
- GV dành thời gian cho HS ghi lại ý kiến của bạn về mình vào sổ tay riêng,
- GV nhận xét hoạt động của HS về nội dung đánh giá đồng đẳng.

Hoạt động 3: Phản hồi cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá về bản thân mình và nhận được sự đánh giá của GV. Từ đó, mỗi HS biết được hướng rèn luyện tiếp theo của mình.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi tìm hiểu chủ đề
- Tổng kết số liệu khảo sát

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS mở nhiệm vụ 9, trang 40 SGK và chia sẻ với bạn về những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các hoạt động trong chủ đề này.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.
- GV yêu cầu HS thực hiện ý 2, nhiệm vụ 9, trang 40 SGK. Hướng dẫn HS sau khi xác định mức độ thì tính điểm của mình theo thang điểm như sau:
 - Thường xuyên thực hiện: 3 điểm;
 - Thỉnh thoảng thực hiện: 2 điểm;
 - Chưa thực hiện: 1 điểm.
- GV yêu cầu HS tính tổng điểm và đưa ra nhận xét từ số liệu thu được. Điểm càng cao chứng tỏ kỹ năng nuôi dưỡng quan hệ gia đình của HS là tốt.
- GV mời một số HS chia sẻ kết quả của mình trước lớp.

V. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kỹ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kỹ năng đã học từ chủ đề
- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Yêu cầu HS chia sẻ những kỹ năng cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện kỹ năng và tự đánh giá sự tiến bộ về kỹ năng đó.
- GV yêu cầu HS mở SGK chủ đề 5, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.
- GV giao bài tập của chủ đề 5 để HS thực hiện.
- GV rà soát những nội dung cần chuẩn bị cho giờ hoạt động trải nghiệm của chủ đề tiếp theo và yêu cầu HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

VII. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

.....

Ngày soạn: 27/12/ 2021
Tuần 17
Tiết 50

ÔN TẬP HỌC KÌ

Ngày soạn: 05/01/2022

Tuần 19

Tiết 56:

CHỦ ĐỀ 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

+ Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần để đạt được mục tiêu.

+ Tự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để đáp ứng với nhiệm vụ được giao.

+ Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Tìm hiểu mục tiêu bài học

- Chuẩn bị giáo án, nội dung bài học có liên quan

- Hướng dẫn HS đọc trước SGK và viết vào SBT những nội dung từ đầu đến hết nhiệm vụ 2.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập

- Thực hiện nhiệm vụ giao trước khi đến lớp

- Thẻ màu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: giúp HS hứng thú với chủ đề, hiểu được sự cần thiết của việc kiểm soát chi tiêu cá nhân khi số tiền của mình hạn chế, chỉ ra được những việc làm để đạt được mục tiêu.

b. Nội dung: GV tổ chức hoạt động

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Tổ chức cho cả lớp cùng chơi trò chơi **Bà Ba đi chợ**. GV giới thiệu luật chơi:

+ Khi quản trò hô Bà Ba đi chợ, cả lớp sẽ hô “Bà Ba mua gì?” Quản trò sẽ chỉ định 1 bạn bất kì trong lớp. Bạn được chỉ định nói về đồ vật mình sẽ mua: “Bà Ba mua áo” Cả lớp hô tiếp “Vì sao chọn mua?”.

Bạn được quản trò chỉ định phải nêu được lí do chọn mua đồ vật ấy, ví dụ “Bà Ba mua vì áo đẹp”

+ Để tạo sự hấp dẫn, GV sẽ tổ chức để mỗi lần bà Ba đi chợ với số tiền khác nhau và mua các đồ vật khác theo các lí do ưu tiên để thử phản ứng của HS.

Ví dụ: Nhà đang hết gạo, mua gạo; ở chợ bán kẹp tóc xinh xắn, mua kẹp tóc; ở chợ

có bán cái đồng hồ mà bà thích, thôi mua vậy; ở chợ có cửa hàng thời trang giảm giá, mua áo...

- GV nhận xét, tổng kết và định hướng các cách lựa chọn và lí do lựa chọn khoản chi ưu tiên.

- GV dẫn dắt vào bài: *Trong cuộc sống, con người luôn có rất nhiều nhu cầu, nhu cầu càng cao thì khả năng đáp ứng nhu cầu càng khó, đặc biệt là khi nhu cầu vượt quá khả năng của bản thân. Vì vậy, biết kiểm soát chi tiêu, chi tiêu đúng thứ mình cần trong khoản tiền nhất định là một kỹ năng rất quan trọng giúp chúng ta làm chủ cuộc sống. Để rèn luyện việc kiểm soát chi tiêu, chúng ta tìm hiểu chủ đề 5:*

Kiểm soát chi tiêu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Xác định của khoản tiền của em

a. Mục tiêu: giúp HS xác định rõ các khoản tiền mình có và các cách sử dụng khoản tiền đó. Từ đó, HS bước đầu xác định được những hoạt động cần thực hiện khi muốn có được các khoản tiền đó.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu các khoản tiền của HS
- Tìm hiểu việc sử dụng các khoản tiền của HS
- Chia sẻ các công việc, các hoạt động có thể tham gia để có thể có thêm khoản tiền cho bản thân.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu các khoản tiền của HS</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">- GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm từ 6 HS thảo luận theo kỹ thuật khăn trải bàn trong thời gian 3 phút. Yêu cầu HS chia sẻ, trao đổi trong nhóm về các khoản tiền và số tiền mà HS có được. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">+ Lần lượt các thành viên trong nhóm chia sẻ ý kiến.+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.+ GV tổ chức cho đại diện các nhóm chia sẻ nhanh trước lớp về các khoản tiền, số tiền và những việc làm có thể giúp HS có được khoản tiền đó. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.+ HS ghi bài. <p>* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các khoản tiền của HS</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">- Vẫn 6 nhóm cũ GV cho HS thảo luận về việc sử dụng các khoản tiền của mình như thế nào? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">+ Lần lượt các thành viên trong nhóm chia sẻ ý kiến.+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none">+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	<p>I. Xác định của khoản tiền của em</p> <p>1. Tìm hiểu các khoản tiền của HS</p> <ul style="list-style-type: none">- Tiền mừng tuổi- Tiền thưởng- Tiền người thân cho- Tiền tiêu vặt bố mẹ cho,... <p>2. Tìm hiểu việc sử dụng các khoản tiền của HS</p> <ul style="list-style-type: none">- Em thường dùng tiền để mua đồ dùng học tập- Dùng để ăn sáng- Dùng để giúp đỡ bạn nghèo,...- Dùng mua đồ dùng cần thiết

+ HS ghi bài.

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ các công việc, hoạt động có thể tham gia để kiếm thêm khoản tiền cho bản thân**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu lần lượt từng thành viên trong nhóm chia sẻ về những công việc cụ thể và những hoạt động mà HS có thể làm để kiếm được tiền và cảm xúc của bản thân khi có thêm khoản tiền đó.

- GV hỏi đáp nhanh: *Cảm xúc của các em như thế nào khi có thêm nguồn thu nhập từ chính những việc làm cụ thể của mình?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS ở các nhóm lên chia sẻ các việc làm, hoạt động HS có thể làm để tạo ra nguồn thu cho bản thân

+ HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

3. Chia sẻ các công việc, các hoạt động có thể tham gia để có thể có thêm khoản tiền cho bản thân.

- Các việc làm trong gia đình như : trồng rau, trồng hoa, trồng cây, chăn nuôi gia súc, gia cầm bán lấy tiền ; làm nghề thủ công cùng gia đình thời gian rảnh,...

- Học tập tốt để có học bổng có tiền thưởng,...

Ngày soạn: 10/01/2022

Tuần 20

Tiết 59:

CHỦ ĐỀ 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU(Tiết 2)

Hoạt động 2: Chỉ ra những lí do xác định khoản chi ưu tiên của em

a. Mục tiêu: giúp HS rút ra được những lí do để xác định khoản chi nào cần ưu tiên khi số tiền mình hạn chế. Từ đó giúp các em chú ý hơn trong chi tiêu để đảm bảo không chi tiêu quá số tiền mình có.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những lí do xác định khoản chi ưu tiên của bản thân.
- Tìm hiểu trật tự các khoản chi ưu tiên

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Chia sẻ những lí do xác định khoản chi ưu tiên của bản thân.</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - Gv chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu từng HS trong nhóm chia sẻ những lí do xác định khoản chi ưu tiên của bản thân trong vòng một tháng vừa qua. Sau đó cả nhóm tổng hợp lại lí do mà các bạn trong nhóm thường sử dụng.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu trật tự các khoản chi ưu tiên</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu làm việc theo cặp đôi thực hiện ý 2 nhiệm vụ 2 SGK/43: Sắp xếp các ưu tiên theo trật tự hợp lí nhất?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none">• Ưu tiên cho ăn uống• Ưu tiên cho học tập• Ưu tiên cho sở thích	<p>II. Chỉ ra những lí do xác định khoản chi ưu tiên của em</p> <p>1. Chia sẻ những lí do xác định khoản chi ưu tiên của bản thân.</p> <ul style="list-style-type: none">- Ưu tiên chi cho đồ dùng học tập- Ưu tiên cho sở thích- Ưu tiên chi khi thấy đồ được giảm giá- Ưu tiên chi cho ăn uống,.... <p>2. Tìm hiểu trật tự các khoản chi ưu tiên</p> <p>Thứ tự ưu tiên có thể như sau :</p> <ul style="list-style-type: none">-Thứ nhất : Ưu tiên cho ăn uống (vì đây là nhu cầu thiết yếu đảm bảo sức khỏe cho cơ thể)- Thứ 2 : Ưu tiên cho học tập (vì để phát triển bản thân và có điều kiện học tập tốt hơn)- Thứ 3 : Ưu tiên cho sở thích (để nghỉ ngơi, thư giãn, tạo động lực cho bản thân)- Thứ 4 : Ưu tiên cho hàng giảm giá (để mua được nhiều hàng hóa hơn với số tiền có giới hạn)

<ul style="list-style-type: none">• Ưu tiên cho hàng giảm giá <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	<p>=> Mỗi người đều có các xác định ưu tiên chi khác nhau , phù hợp với bản thân. Ưu tiên khoản chi của mỗi chúng ta cũng không cố định mà luôn điều chỉnh theo nhu cầu. Tuy nhiên cần cân nhắc thật kĩ trước khi chi tiêu.</p>
--	--

Ngày soạn: 15/01/2022

Tuần 21

Tiết 62:

CHỦ ĐỀ 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU (Tiết 3)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Xác định cái mình cần, cái mình muốn)

a. Mục tiêu: giúp HS phân biệt được nhu cầu cấp thiết (cái mình cần) và nhu cầu chưa cấp thiết (cái mình muốn). Từ đó xác định các khoản chi ưu tiên để đảm bảo khả năng kiểm soát chi tiêu.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi “Tôi cần”
- Phân biệt được cái mình cần và cái mình muốn
- Thực hành xác định cái mình cần và cái mình muốn.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi “Tôi cần”**

- GV phổ biến luật chơi: GV chia lớp thành 4 nhóm lớn và phát mỗi nhóm 1 bảng phụ và 1 bút viết.
- + Khi quản trò hô “**Tôi cần! Tôi cần!**”.
- + Các nhóm sẽ hỏi “**Cần gì? Cần gì?**”
- + Quản trò hô “**Tôi cần đồ ăn!**”
- + Các nhóm viết ra những món đồ ăn phù hợp. Sau 30 giây quản trò hô. Cứ chơi như vậy 5 vòng, nhóm nào điểm cao nhóm đó sẽ giành chiến thắng.
- HS tham gia trò chơi.
- Khi kết thúc trò chơi, GV hỏi: Nhóm các em gặp khó khăn gì khi chơi?
- GV nhận xét và kết luận: *Trong cuộc sống chúng ta cần xác định đúng những gì mình cần giúp các em sẽ quản lí chi tiêu tốt hơn.*

*** Nhiệm vụ 2: Phân biệt cái mình cần và cái mình muốn**

- Gv yêu cầu HS đọc như cầu đã viết trong trò chơi. Gv hỏi: *Em hãy phân biệt những gì em đã viết thành hai nhóm: cái cần thiết phải mua ngay và cái mình muốn nhưng chưa phải mua ngay. Tại sao lại phân loại như vậy?*
- GV cùng HS phân tích thành 2 nhóm: cái mình cần và cái mình muốn.
- HS phân biệt 2 nhóm:
- + Cái mình cần là những thứ mình cần phải có trong cuộc sống, như quần áo, đồ ăn, trái cây,...
- + Cái mình muốn là những thứ mình mong muốn có để cuộc sống thú vị hơn để phục vụ cho niềm vui, thoải mái tâm trí, như đồ chơi, dụng cụ chơi thể thao,....

*** Nhiệm vụ 3: Thực hành cái mình cần và cái mình muốn**

- GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ 2, SGK/44: Em hãy kể tên một số vật dụng em có nhu cầu mua sắm. Phân loại các vật dụng đó thành 2 nhóm cái mình cần, cái mình muốn và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Hoàn thành phiếu học tập sau:

STT	Đồ dùng/ đồ vật	Lựa chọn		Lí do
		Cần	Muốn	
1	Sách vở			
2	Xe đạp			
3	Bút			
4	Trái cây			
5	Bánh kẹo			
6	Quần áo			
7	Giày dép			
8	Truyện tranh			
9	Đồ chơi			
10	Dụng cụ thể thao			

- HS thảo luận trong 3 phút và trình bày kết quả.
- GV yêu cầu HS viết tất cả những nhu cầu chi tiêu cá nhân của mình, phân loại các nhu cầu đó thành 2 nhóm: cái mình cần, cái mình muốn và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các nhu cầu này.
- Một số HS trình bày về cách chi tiêu cá nhân.
- GV nhận xét và đưa ra kết luận: *cần đặt ưu tiên cho những nhu cầu cần thiết để giúp mình trở thành những người chi tiêu thông minh và tiết kiệm.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động 1: Xác định khoản chi ưu tiên

a. Mục tiêu: giúp HS thực hành xác định các khoản chi ưu tiên để đảm bảo khả năng kiểm soát chi tiêu.

b. Nội dung: Thi tài mua sắm

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Gv yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 4 SGK/ 44, chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện bảng sau:

Món đồ	Chi phí (đồng)	Chuẩn bị năm học mới	Chuẩn bị nghỉ hè
Bút	15.000		
Từ điển	54.000		
Vở	20.000		
Áo phông	50.000		
Đồ chơi xếp hình	70.000		
Bút xóa	15.000		
Bút màu	30.000		
Bộ vợt cầu lông	140.000		
Truyện tranh	25.000		
Cờ vua	83.000		
Quả bóng	70.000		
Sách khoa học	45.000		
Thước kẻ	5.000		
Đồ bơi	85.000		
Sổ tay	25.000		
Giày	150.000		
Mũ	65.000		
Cặp sách	120.000		
Tổng tiền	

- GV yêu cầu các nhóm sau khi mua sắm xong thì dán kết quả lên bảng. Các nhóm trình bày kết quả và đưa ra lí do tại sao mua món đồ đó.

- GV kết luận: *Trong điều kiện số tiền mình có để chi tiêu còn hạn chế, mỗi người cần cân nhắc lựa chọn khoản chi tiêu sao cho phù hợp theo thứ tự sau:*

- + *Ưu tiên mua những món đồ bắt buộc phải có trong từng hoàn cảnh*
- + *Ưu tiên mua những thứ để thực hiện các hoạt động có ý nghĩa và thiết thực với cá nhân*
- + *Ưu tiên mua những thứ để thực hiện hoạt động mình thích*
- + *Ưu tiên mua những thứ đáp ứng nhu cầu giải trí cá nhân.*

Hoạt động 2: Quyết định các khoản chi ưu tiên

a. Mục tiêu: giúp HS thực hiện xử lí chi tiêu trong những tình huống khác nhau. Từ đó, HS tự điều chỉnh nhu cầu cá nhân cho phù hợp, hình thành thói quen kiểm soát chi tiêu cho bản thân và có sự lựa chọn chi tiêu dành cho người khác trong những tình huống phù hợp.

b. Nội dung: xử lí các tình huống trong SGK.

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV chia lớp thành 2 nhóm lớn và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: đọc tình huống 1 và đưa ra phương án giải quyết: *H. có 10.000 đồng, hôm nay H. dự định mua một gói xôi để ăn sáng và một chiếc bút chì. Trên đường đến trường, H. gặp M., M. kể với H. là mình chưa kịp ăn sáng H. quyết định dùng 10.000 đồng để mua hai gói xôi và đưa cho M. một gói. Cả hai bạn cùng nhau ăn sáng vui vẻ.*

H. đã xác định khoản chi như thế nào?

Nếu em là H. em sẽ quyết định chi tiêu như thế nào trong tình huống trên? Vì sao?

+ Nhóm 2: đọc tình huống 2 và đưa ra phương án giải quyết: *T. tiết kiệm được một khoản tiền là 100.000 đồng, T. có kế hoạch mua một quyển truyện có giá 50.000 đồng và một hộp khẩu trang giá 25.000 đồng vì đợt này không khí ô nhiễm nặng. Nhưng T. Nhớ ra tháng này sinh nhật mẹ và muốn mua chiếc kẹp tóc có giá 60.000 đồng tặng mẹ.*

Nếu là T. em lựa chọn mua những món đồ nào? Vì sao?

- HS các nhóm thảo luận 3 phút và trả lời câu hỏi.

- GV mời HS các nhóm chia sẻ về cách giải quyết tình huống của nhóm mình.

- GV kết luận.

- Trong tình huống cần lựa chọn chi tiêu với số tiền rất ít chúng ta cần lưu ý để lựa chọn nhu cầu thiết yếu nhất của mình và chia sẻ nhu cầu thiết yếu của bạn bè khi cần thiết. Điều đó sẽ giúp cho việc chi tiêu trở nên có ý nghĩa, có giá trị hơn
- Tiền là một phương tiện để giúp cho con người có được niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống. Vì vậy, khi sử dụng đồng tiền chúng ta nên lựa chọn ưu tiên những nhu cầu đem lại niềm vui cho nhiều người hơn, giúp cuộc sống chúng ta hạnh phúc hơn.

- Gv chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 HS và sắm vai thành các nhân vật trong tình huống 3 SGK/46 và các nhóm đưa ra cách giải quyết.

- HS các nhóm đóng vai và thực hiện giải quyết tình huống.

- HS các nhóm trình bày cách giải quyết của mình

- GV kết luận:

+ Nguyên tắc ưu tiên chi tiêu trong gia đình nên theo trình tự sau:

- Lựa chọn nhu cầu chung nhu cầu cá nhân
- Lựa chọn nhu cầu đáp ứng được cho nhiều người
- Lựa chọn nhu cầu cá nhân thiết yếu

+ Nguyên tắc chi tiêu cá nhân theo trình tự sau:

- Nhu cầu cá nhân thiết yếu
- Nhu cầu cá nhân thiết thực với cá nhân trong từng hoàn cảnh

Ngày soạn: 20/01/2022

Tuần 22

Tiết 65:

CHỦ ĐỀ 5: KIỂM SOÁT CHI TIÊU (Tiết 4)

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: giúp HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua đánh giá của nhóm, từ đó HS hướng hoàn thiện và rèn luyện thêm.

b. Nội dung:

- Nói những điều bạn đã làm được trong chủ đề này

- Nói những điều bạn cần cố gắng

- Chia sẻ trước lớp

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Nói những điều bạn đã làm được trong chủ đề này**

- GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS nhận xét về những điểm mình thấy bạn đã làm trong chủ đề này, những cách mà bạn kiểm soát chi tiêu cá nhân mà em đã chứng kiến được.

- Hs các nhóm trao đổi và chia sẻ những hành vi đã thực hiện được trong chủ đề này.

*** Nhiệm vụ 2: Nói những điều bạn cần cố gắng**

- GV cho HS chia sẻ theo cặp đôi về những điều cần cố gắng trong chủ đề này bạn cần thay đổi hoặc cố gắng.

- HS chia sẻ những điều mình cần cố gắng.

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ trước lớp**

- Gv mời một vài HS chia sẻ về những điều bạn nhận xét về mình và những điều bạn đã làm được, chưa làm được.

- Hs chia sẻ. GV đánh giá việc làm và tôn trọng ý kiến cá nhân của HS.

Hoạt động 2: Phản hồi cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá về bản thân mình vừa nhận được sự đánh giá của GV. Từ đó, mỗi HS đều biết hướng rèn luyện bản thân mình.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề.

- Khảo sát số liệu

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn với bạn khi thực hiện chủ đề này.

- GV mời một số HS chia sẻ cảm nhận.

- GV yêu cầu HS thực hiện ý 2 trong nhiệm vụ 6, trang 46 SGK. Hướng dẫn HS sau khi xác định mức độ phù hợp với bản thân ở mỗi mục đánh giá thì chấm điểm theo thang như sau: rất đúng: 3 điểm; phân vân: 2 điểm; không đúng: 1 điểm.

- GV yêu cầu HS tính tổng của toàn bảng và đưa ra một vài nhận xét từ số liệu thu được.

Nội dung	Rất đúng	Phân vân	Không đúng	Tổng điểm
1. Em xác định được các khoản tiền của mình là hạn chế.	3	2	1	
2. Em chỉ ra được lí do để xác định các khoản chi ưu tiên.	3	2	1	
3. Em phân biệt được cái mình muốn và cái mình cần.	3	2	1	
4. Em xác định được các khoản chi ưu tiên trong một số tình huống.	3	2	1	
5. Em có thể giảm chi tiêu cho cá nhân để ưu tiên khoản chi của người khác khi cần thiết.	3	2	1	

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp.

V. HOẠT ĐỘNG NỘI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kĩ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kĩ năng đã học từ chủ đề
- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Thiết kế bản nguyên tắc chi tiêu của bản thân**

- GV tổ chức cho HS tự thiết kế bản nguyên tắc chi tiêu cho bản thân sao cho hợp lí nhất.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm: những kĩ năng nào các em cần tiếp tục rèn luyện; cách rèn luyện khả năng kiểm soát chi tiêu của cá nhân khi số tiền mình có là hạn chế.
- Hướng dẫn HS cách rèn luyện và tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân.

*** Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị chủ đề mới**

- GV yêu cầu HS mở SGK chủ đề 6, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.
- GV giao bài tập của chủ đề 6 và yêu cầu HS thực hiện.
- GV rà soát, xem lại những nội dung cần chuẩn bị cho giờ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của chủ đề tiếp theo và yêu cầu HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	

VII. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

.....

Ngày soạn: 25/01/2022

Tuần 23

Tiết 68:

CHỦ ĐỀ 6: XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng.
- Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn.
- Giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương nơi em sống.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

- + Thể hiện được chính kiến khi phản biện, bình luận về các hiện tượng xã hội và giải quyết mâu thuẫn.
- + Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau.
- + Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Yêu cầu HS đọc trước SGK và viết vào vở những nội dung từ đầu đến hết nhiệm vụ 2.
- Phiếu các từ chỉ các hành vi ứng xử phù hợp nơi công cộng.
- Tranh ảnh nơi công cộng để chiếu trên silde hoặc tranh ảnh dán lên bảng.
- Nhạc bài hát *Điều đó tùy thuộc hành động của bạn* sáng tác của nhạc sĩ Vũ Kim Dung.
- Giấy A4 và bảng dính 2 mặt.

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập
- Theo dõi mức độ thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng trong 1 tuần (theo bảng ở hoạt động 2, trang 109).
- Thẻ màu (xanh, đỏ, vàng).
- Ảnh, tranh vẽ cảnh đẹp quê hương.
- Sản phẩm tuyên truyền vận động người thân, bạn bè ứng xử văn minh nơi công cộng: thơ, văn, hò, vè, tranh tuyên truyền,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: giúp HS hứng thú với chủ đề, hiểu được ý nghĩa của việc xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện và chỉ rõ được những việc làm trong chủ đề để đạt được mục tiêu.

b. Nội dung: GV tổ chức cho cả lớp cùng chơi trò chơi **Đoán từ**.

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho cả lớp cùng chơi trò chơi **Đoán từ**.

Cách chơi: GV mời 1 HS lên làm người diễn. GV đưa cho người diễn đọc 1 từ ngữ, quy định ứng xử phù hợp nơi công cộng. HS này phải thể hiện được nội dung của từ ngữ đó bằng hành động, động tác. Cả lớp (chia 2 đội chơi) xem và đoán từ ngữ dựa vào hành động của người diễn. Đội nào đoán nhanh được tính điểm. Chơi khoảng 5 lượt, tính tổng điểm, đội nào có nhiều điểm thì chiến thắng.

Gợi ý các từ ngữ, quy định: im lặng, nhường chỗ, bỏ rác đúng nơi quy định, xếp hàng, nói đủ nghe,...

- HS tham gia trò chơi. GV tổng kết.

- *GV dẫn dắt vào bài:* Nơi công cộng là không gian chung của mọi người. Đó là con đường trước cửa nhà, rạp chiếu phim, là nhà hát, viện bảo tàng, trung tâm mua sắm, bến xe, nơi tổ chức lễ hội,... Để tất cả mọi người cảm thấy thoải mái, dễ chịu khi cùng hoạt động trong không gian chung, chúng ta cần phải thực hiện những quy tắc ứng xử nơi công cộng, góp phần xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện. Để biết được ý nghĩa cũng như cách ứng xử văn minh trong cộng đồng, chúng ta cùng tìm hiểu **chủ đề 6: Xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu ý nghĩa của nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS xác định được các nơi công cộng mình tham gia và ý nghĩa của nơi công cộng đó.

b. Nội dung:

- Tìm hiểu nhận thức của HS về nơi công cộng
- Tìm hiểu đặc trưng của không gian công cộng
- Chia sẻ ý nghĩa của nơi công cộng

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nhận thức của HS về nơi công cộng</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi <i>Ai nhanh hơn</i>. Cách chơi như sau: chọn 2 đội chơi xếp thành 2 hàng. Lần lượt từng HS trong từng đội lên bảng viết tên một nơi công cộng mà mình biết, sau đó nhanh chóng đưa phần cho bạn kế tiếp trong đội. Trong thời gian 3 phút, đội nào viết được đúng và nhiều hơn tên các nơi công cộng đội đó sẽ chiến thắng, - GV khảo sát nhanh về các nơi công cộng HS thường tham gia, nơi công cộng HS ít tham gia bằng cách nêu một số nơi công cộng của địa phương và cho HS giơ tay. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>I. Ý nghĩa của nơi công cộng</p> <p>1. Tìm hiểu nhận thức của HS về nơi công cộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nơi công cộng được hiểu là nơi phục vụ chung cho nhiều người và nó không chỉ giới hạn ở ngoài trời như quảng trường, đường đi, nhà ga, bến tàu, bãi biển, công viên,... mà còn là nơi phục vụ ăn uống, giải khát, vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử....

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về đặc trưng của không gian công cộng**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 6 nhóm khác nhau, thảo luận và đưa ra đặc trưng của các nơi công cộng ở địa phương HS thường tham.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV tổ chức cho đại diện các nhóm chia sẻ nhanh về đặc trưng của các nơi công cộng.

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV tổng kết về các điểm đặc trưng của nơi công cộng.

+ HS ghi bài.

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ về ý nghĩa của nơi công cộng**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ theo cặp đôi về ý nghĩa của nơi công cộng.

- GV hỏi nhanh một số bạn trong lớp về ý nghĩa của nơi công cộng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

2. Tìm hiểu đặc trưng của không gian công cộng

- Nơi công cộng là nơi phục vụ chung cho nhiều người, là nơi diễn ra các hoạt động chung của xã hội,...

3. Chia sẻ ý nghĩa của nơi công cộng

- Ý nghĩa của nơi công cộng :

+ Mọi người dễ đi lại

+ Mọi người được giao lưu, trao đổi, buôn bán

+ Mọi người có thể giải trí, trao đổi, gặp gỡ nói chuyện với nhau,...

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV kết luận nội dung hoạt động và chia sẻ ý nghĩa của nơi công cộng, khuyến khích HS thực hiện những hành vi văn minh nơi công cộng.

+ HS ghi bài.

CHỦ ĐỀ 6: XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN (Tiết 2)

Hoạt động 2: Tìm hiểu quy tắc ứng xử nơi công cộng

a. Mục tiêu: HS khám phá và rút ra những quy tắc ứng xử cơ bản nơi công cộng.

b. Nội dung:

- Khảo sát về việc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng
- Kể về những hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng nơi công cộng

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																																														
<p>Nhiệm vụ 1: Khảo sát về việc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng</p> <p>Bước 1: GV chuyên giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 6 nhóm và thảo luận, cùng xem lại bảng <i>Theo dõi mức độ thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng</i> và đưa ra kết luận. <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-bottom: 10px;"> <thead> <tr style="background-color: #c8e6c9;"> <th rowspan="2" style="text-align: center;">Quy tắc ứng xử nơi công cộng</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Thường xuyên</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Thỉnh thoảng</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Hiếm khi</th> </tr> <tr style="background-color: #c8e6c9;"> <th style="text-align: center;">BT</th> <th style="text-align: center;">NXQ</th> <th style="text-align: center;">BT</th> <th style="text-align: center;">NXQ</th> <th style="text-align: center;">BT</th> <th style="text-align: center;">NXQ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thực hiện nếp sống văn hoá, quy tắc, quy định nơi công cộng.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Giúp đỡ, nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật khi lên xuống tàu xe, khi qua đường.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Giữ vệ sinh nơi công cộng.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Giữ gìn trật tự xã hội.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Kịp thời thông báo với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Không có hành vi hoặc làm những việc trái với thuần phong mỹ tục.</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>Quy tắc khác:</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - GV khảo sát mức độ thực hiện các hành vi ứng xử nơi công cộng của HS bằng cách đọc từng quy tắc, HS giơ thẻ trả lời: <i>thường xuyên giơ thẻ xanh, thỉnh thoảng giơ thẻ vàng và hiếm khi giơ thẻ đỏ.</i> - Phỏng vấn nhanh HS: <i>Vì sao có những việc em thường xuyên thực hiện và ngược lại?</i> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. 	Quy tắc ứng xử nơi công cộng	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		BT	NXQ	BT	NXQ	BT	NXQ	Thực hiện nếp sống văn hoá, quy tắc, quy định nơi công cộng.							Giúp đỡ, nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật khi lên xuống tàu xe, khi qua đường.							Giữ vệ sinh nơi công cộng.							Giữ gìn trật tự xã hội.							Kịp thời thông báo với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.							Không có hành vi hoặc làm những việc trái với thuần phong mỹ tục.							Quy tắc khác:							<p>II. Quy tắc ứng xử nơi công cộng</p> <p>1. Khảo sát về việc thực hiện quy tắc ứng xử nơi công cộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nếp sống văn hóa, quy tắc, quy định nơi công cộng. Giúp đỡ người già, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật khi lên xuống tàu, xe, qua đường. - Giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh nơi công cộng. Kịp thời thông báo cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật, trật tự nơi công cộng - Không có hành vi trái với quy định nơi công cộng,...
Quy tắc ứng xử nơi công cộng		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi																																																									
	BT	NXQ	BT	NXQ	BT	NXQ																																																									
Thực hiện nếp sống văn hoá, quy tắc, quy định nơi công cộng.																																																															
Giúp đỡ, nhường chỗ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật khi lên xuống tàu xe, khi qua đường.																																																															
Giữ vệ sinh nơi công cộng.																																																															
Giữ gìn trật tự xã hội.																																																															
Kịp thời thông báo với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật.																																																															
Không có hành vi hoặc làm những việc trái với thuần phong mỹ tục.																																																															
Quy tắc khác:																																																															

<p>+ GV tổng kết số liệu của cả lớp và đưa ra nhận xét về những việc HS thường xuyên thực hiện được và hiếm khi thực hiện được.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. GV trao đổi với lớp về quy tắc ứng xử nơi công cộng, khuyến khích HS thực hiện các việc làm thể hiện các hành vi ứng xử văn minh ở nơi công cộng.</p> <p>+ HS ghi bài.</p> <p>* Nhiệm vụ 2: Kể về những hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng nơi công cộng</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV tổ chức trò chơi <i>Ném bóng</i>. Luật chơi như sau: Quả bóng rơi đến tay ai, người đó sẽ kể về 1 hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng mà mình từng chứng kiến. Người sau cần kể hành vi không trùng lặp với người trước.</p> <p>- GV hỏi: <i>Cảm nhận của em khi thấy những hành vi ứng xử thiếu văn hoá nơi công cộng? Điều gì xảy ra khi mọi người đều ứng xử văn minh ở nơi công cộng? Chúng ta nên làm gì để ứng xử văn minh nơi công cộng?</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	<p>2. Kể về những hành vi ứng xử đúng hoặc chưa đúng nơi công cộng</p> <p>- Những hành vi ứng xử đúng nơi công cộng:</p> <p>+ Cười nói đủ nghe nơi đông người</p> <p>+ Xếp hàng theo thứ tự nơi công cộng</p> <p>+ Giữ gìn và bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên nơi công cộng,...</p> <p>+ Báo cơ quan quản lí, tổ chức có thẩm quyền khi thấy những người vi phạm quy định nơi công cộng,...</p> <p>+ Giúp đỡ những người gặp khó khăn nơi công cộng.</p> <p>- Những hành vi ứng xử không đúng nơi công cộng :</p> <p>+ Cười nói quá to nơi đông người</p> <p>+ Chen lấn, xô đẩy nhau nơi công cộng</p> <p>+ Vứt rác bừa bãi nơi công cộng như công viên, bảo tàng, siêu thị,...</p>
---	---

Ngày soạn: 10/02/2022

Tuần 25

Tiết 73:

CHỦ ĐỀ 6: XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN (Tiết 3)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Thực hiện nói, cười đủ nghe nơi công cộng

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS được rèn luyện kỹ năng nói, cười đủ nghe nơi công cộng với các hoàn cảnh và không gian khác nhau để điều chỉnh âm lượng cho phù hợp.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi “ Cùng cười”
- Thực hành nói, cười đủ nghe nơi công cộng
- Thực hành một số biện pháp kiểm soát âm lượng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Cùng cười**

- GV phổ biến luật chơi: Khi quản trò hô “Nào cùng cười: cười mỉm, cười hi hi, cười ha ha, cười hô hô,...” chúng ta phải làm theo. Cười mỉm là cười không phát ra tiếng, cười hi hi là tiếng cười hi hi âm lượng nhỏ, cười ha ha là tiếng cười ha ha âm lượng hơi to; cười hô hô là tiếng cười hô hô âm lượng to. Nếu ai làm ngược hay phát âm lượng không phù hợp sẽ là phạm quy.
- GV mời một vài HS chơi để làm mẫu rồi tổ chức cho HS cả lớp cùng chơi, sau đó rút ra bài học từ trò chơi là: Chúng ta cần kiểm soát âm lượng phù hợp.
- HS tham gia trò chơi
- Gv kết luận cách cười, nói đủ nghe khi ở nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Thực hành nói, cười đủ nghe nơi công cộng**

- GV yêu cầu HS xem lại nhiệm vụ 3 SBT, đọc và chia sẻ trong nhóm 4 HS về các tình huống nói, cười nơi công cộng. GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.
- GV cho HS thảo luận nhóm về cách nói, cười đủ nghe trong các tình huống sau:
 - Tình huống 1: Nếu khoảng cách nói chuyện giữa hai người hơi xa nhau.
 - Tình huống 2. Câu chuyện buồn cười quá, rất dễ phá lên cười to.
 - Tình huống 3. Ở một số nơi công cộng đặc thù (như rạp chiếu phim, rạp hát, trên xe buýt, viện bảo tàng, đền, chùa, nhà thờ,...).
 - Tình huống 4. Nhận được điện thoại khi ngồi với nhóm bạn.

- HS thảo luận và giải quyết tình huống

Tình huống 1:

- Tiến lại gần bạn hơn để nói.
- Tránh hét lên hoặc nói quá to.

Tình huống 2:

- Cười mỉm hoặc cười khúc khích.
- Lấy tay che miệng.

Tình huống 3:

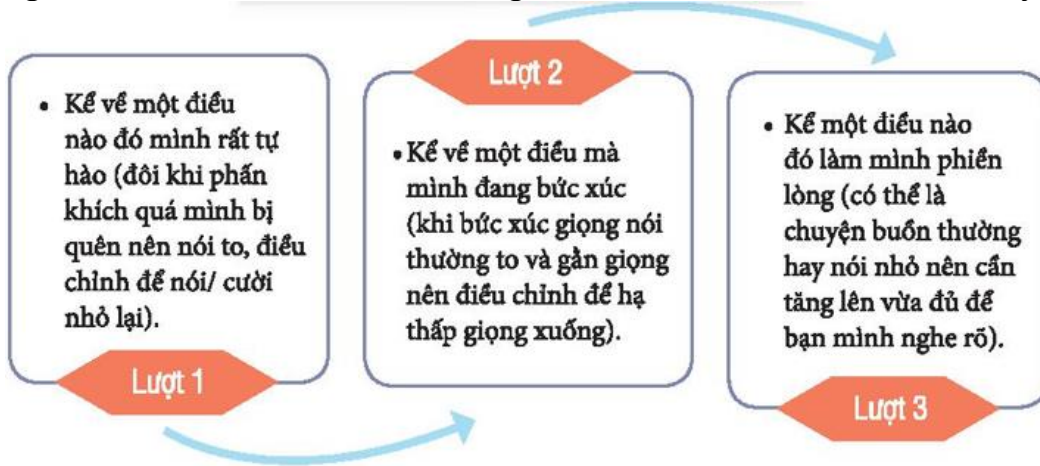
- Nói thì thầm đủ nghe.
- Hạn chế trao đổi, trò chuyện.

Tình huống 4:

- Nên đi ra chỗ khác để trò chuyện.
- Nói chuyện với âm lượng vừa phải.

Nhiệm vụ 3: Thực hành kiểm soát âm lượng

- GV hướng dẫn và làm mẫu: lắng nghe giọng nói và âm lượng của mình để điều chỉnh cho phù hợp.
- GV chia HS thành các cặp đôi thực hành theo các tình huống sau: một người kể, một người nghe và góp ý cho bạn, sau đó đổi vai. Người nghe chú ý xem bạn mình có tự lắng nghe mình và điều chỉnh âm lượng khi nói, cười theo 3 lượt dưới đây:



Hoạt động 2: Xếp hàng trật tự nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS hiểu được ý nghĩa của nơi xếp

b. Nội dung:

- Thực hành xếp hàng theo trật tự
- Xử lý tình huống
- Chia sẻ về thái độ của em khi chứng kiến hành vi không xếp hàng nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Thực hành xếp hàng trật tự**

- GV tổ chức trò chơi Kéo bạn. Cách chơi như sau: Khi quản trò hô “Kéo bạn! Kéo bạn!” các em sẽ hỏi “Kéo mấy? Kéo mấy?”, quản trò hô “Kéo 5! Kéo 5!” thì 5 bạn sẽ kéo lại thành một hàng ngang hoặc hàng dọc, không được tranh giành, chen hàng của bạn đứng trước mình. Bạn nào vi phạm chen hàng hoặc xô đẩy, bạn đó sẽ bị phạm quy.
- GV tổ chức cho HS chơi nhiều lần với số lượng kết ít nhiều khác nhau để HS rèn thói quen xếp hàng.
- GV hỏi - đáp nhanh về cảm nhận của HS sau khi chơi, sau đó nhận xét, tổng kết và dặn dò HS về ý thức nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Xử lý tình huống**

- GV đưa ra tình huống: N. thấy mọi người chen lấn, xô đẩy khi mua hàng và N. cũng muốn mua món hàng đó. Lúc đó N. nên làm gì?
- GV chia lớp thành nhóm 6 HS, yêu cầu thảo luận, sắm vai trình diễn cách xử lý của nhóm mình.
- GV mời một số nhóm trình diễn trước lớp và giải thích về cách ứng xử.
- GV nhận xét, hướng dẫn HS cách xử lý phù hợp đảm bảo văn hoá xếp hàng nơi công cộng: Đứng vào hàng, không chen lấn, xô đẩy; giữ khoảng cách với người đứng trước và đứng sau.

*** Nhiệm vụ 3: Chia sẻ về thái độ của em khi chứng kiến hành vi không xếp hàng nơi công cộng**

- GV chia lớp thành các nhóm từ 5 - 6 HS, tổ chức cho HS chia sẻ về:

- Những hành vi chen lấn xô đẩy ở nơi công cộng.
- Thái độ của em khi chứng kiến.

- Mời một số HS chia sẻ trước lớp.

- GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 3: Lựa chọn trang phục phù hợp nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS thấy được vai trò của trang phục cá nhân và sự phù hợp của trang phục với các nơi công cộng khác nhau. Từ đó HS hình thành thói quen, ý thức lựa chọn trang phục phù hợp với nơi công cộng mà mình tham gia.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi: Lựa chọn trang phục đi đâu lịch vòng quanh thế giới

- Chia sẻ cách lựa chọn trang phục khi đến nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi: Lựa chọn trang phục đi đâu lịch vòng quanh thế giới**

- GV chia lớp thành 4 đội và tổ chức cho HS chơi như sau: GV lần lượt chiếu hình ảnh các địa điểm du lịch. HS quan sát và vẽ phác thảo trang phục mà đội mình chọn mặc để đi đến nơi đó. Đội nào phác thảo trang phục nhanh, phù hợp đội đó sẽ được tính điểm. Chơi 3 - 5 lần, đội nào được nhiều điểm nhất thì chiến thắng.

- GV hỏi đáp nhanh: Em hãy nêu ý trghia của trò chơi. Tại sao cần lựa chọn trang phục phù hợp nơi mình đến?

- GV tổng kết và hướng dẫn HS các lưu ý khi lựa chọn trang phục đến nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ cách lựa chọn trang phục khi đến nơi công cộng**

- GV chia lớp thành các nhóm từ 3 - 5 HS, yêu cầu từng HS lần lượt chia sẻ trong nhóm về bộ trang phục mình sẽ/ đã chọn để đi đến các địa điểm ở ý 1, nhiệm vụ 5, trang 52 SGK.

- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.

- GV hỏi đáp nhanh: Em đã chọn bộ trang phục nào khi đến thăm lăng Bác/ Đền Hùng/...? Vì sao em chọn trang phục đó?

- GV tổng kết hoạt động và đề nghị HS luôn chú ý lựa chọn trang phục phù hợp địa điểm, thời tiết và hoàn cảnh trước khi ra khỏi nhà.

*** Nhiệm vụ 3: Xử lí tình huống**

- GV chia 6 nhóm, yêu cầu HS thảo luận và sắm vai để xử lí các tình huống sau:

- Nhóm 1,2 đọc và xử lí tình huống 1: Cả gia đình chuẩn bị đi chùa vào đầu năm mới, mẹ nhắc hai chị em mặc áo dài, nhưng chị gái em không thích mặc và chọn mặc áo, váy ngắn. Em sẽ nói gì với chị trong tình huống này?

- Nhóm 3,4 đọc và xử lí tình huống 2: Em và các bạn rủ nhau đến khu vui chơi. Khi đến nhà bạn H. mọi người đang chờ trước cổng thì H. xuống và mặc nguyên bộ đồ ngủ để đi. Các em sẽ nói gì với bạn trong tình huống này?

- Nhóm 5,6 đọc và xử lí tình huống 3: Cả lớp em tổ chức đi tham quan ở viện bảo tàng. Bạn T. mặc quần đùi, áo ba lỗ để đi cùng với lớp. Các em sẽ nói gì với bạn T.?

- HS giải quyết các tình huống nêu trên.
- GV nhận xét, tổng kết và nhắc nhở HS thói quen lựa chọn và chỉnh đốn trang phục trước khi ra khỏi nhà.

Hoạt động 4: Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên

a. Mục tiêu: thực hiện những việc làm cụ thể để bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và hình thành ý thức, thói quen giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường công cộng.

b. Nội dung:

- Tổ chức cho cả lớp cùng hát bài hát về bảo vệ môi trường
- Chia sẻ các hành vi bảo vệ cảnh quan môi trường của quê hương
- Thực hành một số việc làm giữ gìn vệ sinh môi trường

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

** Nhiệm vụ 1: Tổ chức cho cả lớp cùng hát bài hát về bảo vệ môi trường*

- GV tổ chức cho HS nghe và cùng hát bài hát “Điều đó tùy thuộc hành động của bạn” sáng tác của nhạc sĩ Vũ Kim Dung.
- GV mời HS nói về nội dung và ý nghĩa của bài hát.

** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ các hành vi bảo vệ cảnh quan môi trường của quê hương*

- GV chia lớp thành 6 nhóm. Yêu cầu các nhóm giới thiệu về các cảnh quan thiên nhiên của địa phương bằng tranh, ảnh đã chuẩn bị và chia sẻ những việc mình đã làm để giữ gìn môi trường, cảnh quan thiên nhiên đó của địa phương.
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.
- GV cùng cả lớp nhận xét về những việc làm của HS, động viên, khích lệ những việc làm của HS.

** Nhiệm vụ 3: Thực hành một số việc làm giữ gìn vệ sinh môi trường*

- GV cho HS cùng lau dọn, vệ sinh lớp học. GV phân công cụ thể cho từng tổ:
 - + Tổ 1: Lau bàn ghế dãy bên trái
 - + Tổ 2: Lau bàn ghế dãy bên phải
 - + Tổ 3: Quét lớp, lau bảng
 - + Tổ 4: lau chùi cửa sổ.
- HS các tổ tham gia dọn vệ sinh.

Hoạt động 5: Giúp đỡ và chia sẻ với mọi người

a. Mục tiêu: phân biệt được các tình huống nào nên giúp đỡ và chia sẻ với mọi người nơi công cộng; cảm nhận được ý nghĩa của những hành vi giúp đỡ, chia sẻ của mình với mọi người.

b. Nội dung:

- Kể những việc mình đã giúp đỡ và chia sẻ với mọi người ở nơi công cộng
- Thực hành nhường nhịn, chia sẻ và giúp đỡ
- Chia sẻ cảm xúc khi chia sẻ và giúp đỡ người khác.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

** Nhiệm vụ 1: Kể những việc mình đã giúp đỡ và chia sẻ với mọi người ở nơi công cộng*

- GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu lần lượt từng HS chia sẻ trong nhóm những việc mình đã làm để giúp đỡ, chia sẻ với người gặp hoàn cảnh khó khăn nơi công cộng.

- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.
- GV trao đổi nhanh: *Đối tượng mà các bạn trong tranh giúp đỡ là ai? Tình huống cần giúp đỡ là gì?*
- GV nhận xét, tổng kết về những đối tượng cần giúp đỡ là trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật, phụ nữ mang thai hay những người gặp sự cố ở nơi công cộng.
 - Giúp người già qua đường
 - Nhường ghế cho người khuyết tật hoặc phụ nữ mang thai trên xe bus
 - Hỗ trợ người gặp sự cố trên đường
- * **Nhiệm vụ 2: Thực hành nhường nhịn, giúp đỡ và chia sẻ**
- GV tổ chức cho HS thực hành bằng cách sắm vai ứng xử trong các tình huống dưới đây:
 - Tình huống 1: Khi em gặp người tàn tật qua đường.
 - Tình huống 2: Khi em gặp bà mẹ mang thai đang xách nhiều đồ,
 - Tình huống 3: Khi em ngồi trên xe buýt và thấy cụ già lên xe buýt.
 - Tình huống 4: Khi em thấy bạn bị ngã xe.
 - Tình huống 5: Khi em thấy người bán hàng rong bị rơi hàng hoá trên đường.
- GV nhận xét, động viên HS giúp đỡ mọi người gặp khó khăn nơi công cộng.
- * **Nhiệm vụ 3: Chia sẻ cảm xúc**
- GV chia lớp thành các nhóm từ 4 - 6 HS, tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm về cảm xúc của mình khi giúp đỡ người khác và phán đoán cảm xúc của những người được giúp đỡ.
- GV mời một số HS chia sẻ trước cả lớp.
- GV nhận xét và tổng kết: *Khi được giúp đỡ người khác, họ thấy cảm thấy vui vẻ, biết ơn và bản thân mình cũng có cảm xúc vui vẻ, tự hào khi giúp đỡ người khác.*

Ngày soạn: 15/02/2022

Tuần 26

Tiết 76:

CHỦ ĐỀ 6: XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG VĂN MINH, THÂN THIỆN (Tiết 4)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động 1: Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh

a. Mục tiêu: thể hiện cách ứng xử hành vi thiếu văn minh nơi công cộng. Từ đó, giúp HS vận dụng để nhắc nhở bản thân và mọi người xung quanh về việc ứng xử văn minh nơi công cộng.

b. Nội dung:

- Tranh biện về hành vi thiếu văn minh nơi công cộng
- Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tranh biện về hành vi thiếu văn minh nơi công cộng**

- GV chia lớp thành 2 đội tranh biện về quan điểm: Những hành vi thiếu văn minh nơi công cộng không thể chấp nhận được trong ruột xã hội hiện đại,
- GV mời 3 HS: 1 HS chủ toạ, 1 HS uỷ viên và 1 HS thư kí để điều hành phiên tranh biện.
- GV cùng ban chủ toạ điều hành tranh biện.
- GV nhận xét, tổng hợp các ý kiến thuyết phục và hướng dẫn các em lên tiếng, thể hiện thái độ trước những hành vi thiếu văn minh nơi công cộng.

*** Nhiệm vụ 2: Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh nơi công cộng**

- GV chia lớp thành cặp đôi để rèn luyện thói quen lên tiếng trong các tình huống sau:
 - Tình huống 1: Bạn em chen ngang khi xếp hàng mua vé tham quan.
 - Tình huống 2: Khi đi xe buýt, anh trai em không nhường chỗ cho phụ nữ mang thai.
 - Tình huống 3: Bạn hàng xóm vứt rác bừa bãi ở công viên.
 - Tình huống 4: Đôi bạn bên cạnh em nói chuyện rất to trong rạp chiếu phim.
- GV mời một số nhóm sắm vai diễn lại các tình huống.
- GV nhận xét, tổng kết về thái độ và cách lên tiếng của HS.

Hoạt động 2: Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè ứng xử văn minh nơi công cộng

a. Mục tiêu: giúp HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng của mình đã học được trong chủ đề để làm sản phẩm và sử dụng sản phẩm tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè của mình ứng xử văn minh nơi công cộng.

b. Nội dung:

- Giới thiệu sản phẩm tuyên truyền
- Tuyên truyền, vận động người thân ứng xử văn minh nơi công cộng

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Giới thiệu sản phẩm tuyên truyền**

- GV chia lớp thành các nhóm phù hợp với không gian để trưng bày và giới thiệu sản phẩm của HS. GV yêu cầu HS sử dụng cả nội dung của nhiệm vụ 8 khi giới thiệu sản phẩm,
- GV tổ chức cho HS giới thiệu sản phẩm theo nhóm, lần lượt từng thành viên trong nhóm giới thiệu sản phẩm của mình,
- GV mời một số HS trong các nhóm giới thiệu sản phẩm trước lớp.

*** Nhiệm vụ 2: Tuyên truyền, vận động người thân ứng xử văn minh nơi công cộng**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, lần lượt từng HS trong nhóm tuyên truyền, vận động mọi người trong nhóm thực hiện các hành vi ứng xử nơi công cộng.

- GV đưa ra một vài tiêu chí khi tuyên truyền để đạt hiệu quả:

- Ngôn ngữ nói: mạch lạc, rõ ràng,...
- Ngôn ngữ cơ thể: sống động, linh hoạt,...
- Tính thuyết phục và lan toả đến mọi người: mức độ tốt, khá, trung bình, yếu.

- GV mời một số HS ở các nhóm tuyên truyền, vận động trước cả lớp.

- GV nhận xét, tổng kết và khuyến khích HS tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện hành vi văn minh nơi công cộng.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Hoạt động 1: Cho bạn, cho tôi

a. Mục tiêu: tạo cơ hội cho HS nhìn lại mình, nhìn lại bạn thông qua đánh giá của nhóm, từ đó HS biết được hướng hoàn thiện và rèn luyện thêm.

b. Nội dung:

- Chia sẻ với bạn về những điều bạn đã làm được và cần cố gắng trong chủ đề này

- Chia sẻ trước lớp

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Chia sẻ với bạn về những điều bạn đã làm được và cần cố gắng trong chủ đề này**

- GV tổ chức cho HS đứng thành các vòng tròn theo tổ. Mỗi bạn dán một tờ giấy A4 lên lưng và cầm một cây bút. HS di chuyển viết lên tờ giấy trên lưng bạn về 2 điểm bạn đã làm được trong chủ đề này và 1 điểm bạn cần cố gắng.

- GV yêu cầu HS đọc tờ giấy bạn viết cho mình và chia sẻ theo nhóm về những điều mà các bạn đã viết.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ trước lớp**

- GV mời một số HS chia sẻ về những điều bạn nhận xét về mình, những điều mình đã làm được, chưa làm được và cảm nhận của bản thân.

- GV tôn trọng ý kiến và đánh giá của HS, nhận xét và khuyến khích HS nhìn nhận những điểm tích cực và tiến bộ ở bạn của mình.

Hoạt động 2: Phản hồi cuối chủ đề

a. Mục tiêu: giúp HS tự đánh giá về bản thân mình và nhận được sự đánh giá của GV. Từ đó, mỗi HS đều biết được hướng rèn luyện của mình tiếp theo.

b. Nội dung:

- Chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề

- Tổng kết khảo sát số liệu

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS chia sẻ những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chủ đề.

- GV yêu cầu HS thực hiện ý 2, nhiệm vụ 10, trang 55 SGK. Sau khi xác định mức cho từng nội dung đánh giá thì chấm điểm như sau: *thường xuyên thực hiện được 3 điểm; thỉnh thoảng thực hiện được 2 điểm và chưa thực hiện được 1 điểm.*

TT	Nội dung đánh giá
1	Em tìm hiểu quy tắc ứng xử nơi công cộng mà em đến.
2	Em thực hiện các quy tắc ứng xử văn minh nơi công cộng.
3	Em giữ gìn và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.
4	Em giúp đỡ và chia sẻ với những người gặp hoàn cảnh khó khăn ở nơi công cộng.
5	Em nhắc nhở người khác khi họ có những hành vi thiếu văn minh ở nơi công cộng.
6	Em tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân thực hiện ứng xử văn minh, thân thiện nơi công cộng.

- GV yêu cầu HS tính điểm tổng của mình và đưa ra một vài nhận xét từ số liệu thu được (điểm càng cao thì sự tuân thủ quy định ứng xử nơi công cộng của em càng tốt).
- GV mời một số HS chia sẻ kết quả của mình trước lớp.
- GV đánh giá dựa trên số liệu tổng hợp được từ điểm của HS, khích lệ những việc HS đã làm được, động viên các em luôn ghi nhớ thực hiện ứng xử văn minh nơi công cộng.

V. HOẠT ĐỘNG NÓI TIẾP

a. Mục tiêu: giúp HS tiếp tục rèn luyện một số kỹ năng và tiếp tục chuẩn bị trước những nội dung cần thiết và lập kế hoạch cho chủ đề tiếp theo

b. Nội dung:

- Rèn luyện các kỹ năng đã học từ chủ đề
- Chuẩn bị trước nội dung chủ đề tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm: những kỹ năng nào các em cần tiếp tục rèn luyện, cách rèn luyện hành vi văn minh nơi công cộng tiếp theo.
- GV yêu cầu HS mở SGK chủ đề 7, đọc các nhiệm vụ cần thực hiện.
- GV giao bài tập của chủ đề 7 để HS thực hiện.
- GV rà soát, xem lại những nội dung cần chuẩn bị cho giờ hoạt động trải nghiệm của chủ đề tiếp theo và nhắc nhở HS thực hiện.

VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Tạo cơ hội thực hành cho người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	

Ngày soạn: 20/02/2022

Tuần 27

Tiết 79:

CHỦ ĐỀ 7: TÌM HIỂU NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau chủ đề này, HS cần:

- Kể tên được một số nghề truyền thống ở Việt Nam; nêu được hoạt động, yêu cầu cơ bản của các nghề đó; chỉ ra được công cụ chính và sự an toàn khi sử dụng các công cụ lao động của nghề truyền thống.
- Nhận ra một số đặc điểm của bản thân phù hợp với công việc của nghề truyền thống.
- Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ gìn nghề truyền thống.

2. Năng lực:

- **Năng lực chung:** Giao tiếp, hợp tác, tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- **Năng lực riêng:**

- + Giới thiệu được các nghề/ nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế - xã hội của các nghề đó.
- + Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề mà bản thân quan tâm.
- + Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.
- + Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động
- + Biết giữ an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

3. Phẩm chất: nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV:

- Yêu cầu HS đọc trước SGK và viết vào vở những nội dung từ đầu đến hết nhiệm vụ 2.
- Tranh ảnh để HS quan sát và tham gia các trò chơi, phiếu học tập.
- Giới thiệu yêu cầu về sản phẩm và tiêu chí đánh giá sản phẩm mà HS phải hoàn thành vào tuần 3, 4 của chủ đề để thể hiện những hiểu biết về địa danh các làng nghề và hoạt động đặc trưng tạo ra sản phẩm, tuyên truyền giữ gìn và phát huy nghề truyền thống (giúp HS chuẩn bị tâm thế và dần có ý tưởng về sản phẩm).

2. Chuẩn bị của HS:

- Đồ dùng học tập
- Thực hiện nhiệm vụ GV giao trước khi đến lớp.
- Các nguyên vật liệu, dụng cụ để làm nghề truyền thống mà mình yêu thích, lựa chọn.
- Suy tầm tranh ảnh về hoạt động đặc trưng của nghề truyền thống (nhiệm vụ 2).
- Bản tuyên truyền, giới thiệu về nghề truyền thống (nhiệm vụ 6).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: giúp HS có hứng thú với chủ đề, hiểu được sự cần thiết của chủ đề và chỉ rõ được những việc cần làm trong chủ đề để đạt được mục tiêu.

b. Nội dung: GV giới thiệu làng nghề truyền thống của Việt Nam.

c. Sản phẩm: kết quả thực hiện của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giới thiệu các làng nghề truyền thống của Việt Nam thông qua một số bài ca dao và tục ngữ.

Chợ Chì bán xảo bán sàng

Bắc Ninh bán những nhẫn vàng trao tay

Đình Bảng bán ẩm bán khay

Phù Lưu họp chợ mỗi ngày một đông.

- GV đặt câu hỏi: Qua câu ca dao trên em hãy kể tên các làng nghề được nhắc đến trong bài ca dao?

- HS trả lời. GV kết luận:

- Chợ Chì bán xáo, sàng
- Bắc Ninh bán nhẫn vàng
- Đình Bảng bán ẩm, khay
- Phù Lưu họp chợ

- GV dẫn dắt vào chủ đề: Với sự đa dạng của đặc điểm địa hình, điều kiện tự nhiên, đất nước Việt Nam ta có nhiều làng nghề truyền thống, sản phẩm phong phú, đa dạng. Việc bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống đóng vai trò quan trọng để phát triển kinh tế xã hội, gìn giữ và phát huy văn hoá truyền thống. Vậy để hiểu được ý nghĩa của nghề truyền thống và những việc cần làm để giữ gìn và phát triển nghề truyền thống, chúng ta tìm hiểu chủ đề 7: **Tìm hiểu nghề truyền thống ở Việt Nam.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Kể tên nghề truyền thống ở Việt Nam và sản phẩm tiêu biểu

a. Mục tiêu: giúp HS nhận diện được một số nghề truyền thống tiêu biểu 3 miền Bắc, Trung, Nam, về: tên nghề, vị trí địa lí, sản phẩm tiêu biểu.

b. Nội dung:

- Tổ chức trò chơi “Du lịch làng nghề quan tranh”
- Chia sẻ về sản phẩm và những giá trị của làng nghề truyền thống

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS				DỰ KIẾN SẢN PHẨM
* Nhiệm vụ 1: Tổ chức trò chơi “Du lịch làng nghề quan tranh”				I. Kể tên nghề truyền thống ở Việt Nam và sản phẩm tiêu biểu - Nghề làm tranh khắc gỗ dân gian Đông Hồ ở Thuận thành, Bắc Ninh với sản phẩm : tranh nghệ thuật dân gian. - Nghề nặn tò he ở Phú Xuyên, Hà Nội với sản phẩm : tò he - Nghề làm nón làng Chuông ở Thanh Oai, Hà Nội với sản phẩm : nón lá. - Nghề dệt thổ cẩm ở Mai Châu, Hòa Bình với sản phẩm : quần áo, khăn, mũ thổ cẩm,...
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập				
- GV tổ chức trò chơi “Du lịch làng nghề quan tranh”. GV phổ biến cách chơi: + GV phát cho 2 đội chơi 1 phiếu nội dung theo mẫu sau:				
Nhóm:.....				
STT	Nghề truyền thống	Tên địa danh	Sản phẩm tiêu biểu	
1				
2				
3				
4				
5				

+ GV chiếu hình ảnh có liên quan đến các làng nghề truyền thống. Các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu trong thời gian 2 phút, đội nào ghi được nhanh và nhiều thì đội đó chiến thắng.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

*** Nhiệm vụ 2: Chia sẻ về sản phẩm và những giá trị của nghề truyền thống**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS thảo luận và chia sẻ về những giá trị mà nghề truyền thống mang lại theo hướng dẫn:

+ Chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm chọn 1 nghề truyền thống để thảo luận.

- Nhóm 1: Nghề chế tác đá mỹ nghệ.
- Nhóm 2: Nghề làm mắm.
- Nhóm 3: Nghề làm nón.
- Nhóm 4: Nghề trồng hoa.

+ Kể tên các sản phẩm của nghề truyền thống đó.

+ Nêu những giá trị về: kinh tế, văn hoá - xã hội,... của nghề truyền thống đó.

- GV tổ chức cho các nhóm thảo luận và trình bày kết quả trên giấy A3 dưới dạng sơ đồ hoặc sử dụng tranh ảnh,...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Nghề trồng chè tại Tân Cương, Thái Nguyên với sản phẩm chè khô.

- Nghề làm gốm Thanh Hà ở Hội An với sản phẩm đồ gia dụng và nghệ thuật bằng gốm.

- Nghề mây tre đan ở Khoái Châu, Hưng Yên với sản phẩm đồ gia dụng và sản phẩm mây tre đan

<p>+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung</p> <p>+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>+ HS ghi bài.</p>	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu hoạt động đặc trưng và lưu ý an toàn khi làm nghề truyền thống

a. Mục tiêu: giúp HS nhận biết được một số hoạt động đặc trưng của một số nghề, công cụ lao động phù hợp với nghề đó và lưu ý an toàn khi làm về truyền thống.

b. Nội dung:

- Gọi tên và mô tả các hoạt động đặc trưng của một số nghề truyền thống
- Tổ chức triển lãm tranh làng nghề truyền thống ở Việt Nam

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>* Nhiệm vụ 1: Gọi tên và mô tả các hoạt động đặc trưng của một số nghề truyền thống</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát hình minh họa và đọc thông tin về hoạt động của một số nghề truyền thống được giới thiệu trong nhiệm vụ 2, trang 60 SGK, xác định đúng các hoạt động đặc trưng của từng nghề được giới thiệu. - GV yêu cầu HS mô tả các hoạt động của nghề làm gốm, dệt vải. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu. + GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. + HS ghi bài. <p>* Nhiệm vụ 2: Tổ chức triển lãm tranh làng nghề truyền thống ở Việt Nam</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trưng bày các hình ảnh hoạt động đặc trưng của 5 - 6 nghề truyền thống 	<p>II. Hoạt động đặc trưng và lưu ý an toàn khi làm nghề truyền thống</p> <p>1. Gọi tên và mô tả các hoạt động đặc trưng của một số nghề truyền thống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghề làm gốm: quy trình tạo ra sản phẩm gốm gồm: làm đất => tạo hình sản phẩm gốm => trang trí hoa văn => tráng men => nung đốt sản phẩm. - Nghề dệt vải: quy trình tạo ra sản phẩm thổ cẩm truyền thống gồm: bắt bông tơ => kéo thành sợi dài => xe bông thành chỉ => ngâm màu => phơi khô => dệt thành tấm vải. <p>2. Tổ chức triển lãm tranh làng nghề truyền thống ở Việt Nam</p> <p>Trưng bày các sản phẩm, với tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức trình bày: phong phú, tự nhiên, sáng tạo (theo

mà các em đã sưu tầm, Ví dụ: nghề lụa, sơn mài, gốm, dệt chiếu, trồng và chế biến chè, đóng phe xuống,... để tham gia triển lãm.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS trao đổi trong nhóm, tổ về cách thức trình bày các tranh ảnh và nội dung phù hợp với từng bức tranh.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung
- GV tổng kết và nhận xét phần trình bày của các nhóm theo các tiêu chí:

+ Hình thức trình bày: phong phú, tự nhiên, sáng tạo (theo nhóm nghề, có thể theo vùng miền).

+ Nội dung: mô tả đúng hoạt động đặc trưng phù hợp với nghề truyền thống.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

- GV khen ngợi nhóm trình bày tốt và khích lệ nhóm trình bày chưa tốt.

+ HS ghi bài.

*** Nhiệm vụ 3: Kể tên một số dụng cụ lao động truyền thống và chia sẻ cách sử dụng an toàn**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức trò chơi *ghép đôi*, một bên là tranh các làng nghề gắn với hoạt động đặc trưng, một bên là dụng cụ lao động.

VD: tranh về nghề thêu – ghép với công cụ kim thêu,...

- GV chia lớp thành 2 nhóm và giao nhiệm vụ:

• **Nhóm 1:**



• **Nhóm 2:**



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS dựa vào hiểu biết kết hợp đọc sgk và thực hiện yêu cầu.

+ GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

nhóm nghề, có thể theo vùng miền).

+ Nội dung: mô tả đúng hoạt động đặc trưng phù hợp với nghề truyền thống.

3. Kể tên một số dụng cụ lao động truyền thống và chia sẻ cách sử dụng an toàn

VD:

- Nghề đúc đồng cần dụng cụ: kẹp, gắp, khuôn đúc,...

- Nghề mộc cần dụng cụ: bào, đục,...

- Nghề thêu cần dụng cụ: kim thêu,...

- Sử dụng an toàn dụng cụ lao động:

+ Sử dụng dụng cụ phù hợp với vật liệu và thao tác

+ Cần phải có đồ bảo hộ lao động phù hợp

+ Không hướng phần sắc nhọn vào mình, vào người khác

+ Khi làm cần tuyệt và cẩn thận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét và bổ sung

+ GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.